

Trường : .....

Lớp : .....

Họ, tên : .....

Năm học : 20..... - 20.....

# Vở bài tập TOÁN 1

TẬP MỘT

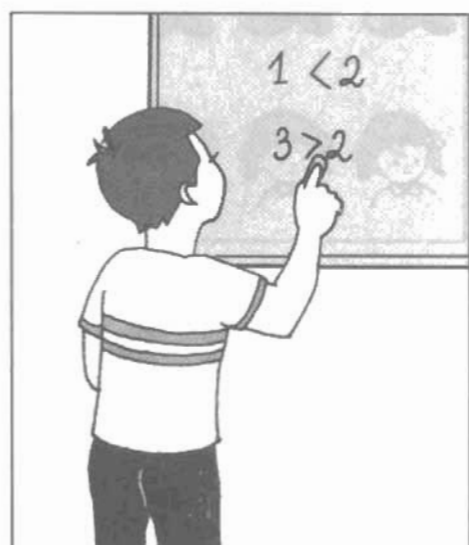


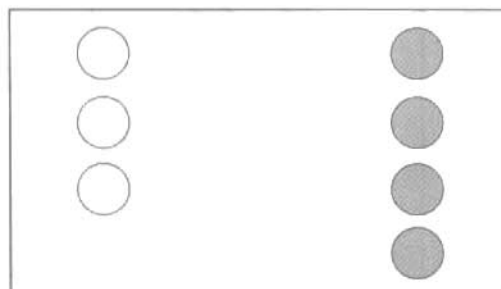
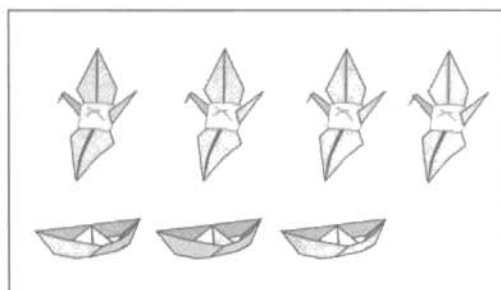
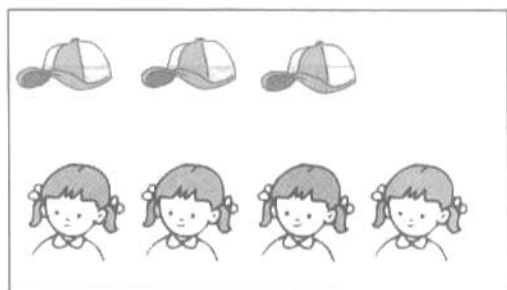
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

<http://tieulun.hopto.org>

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ BÀI TẬP TOÁN 1

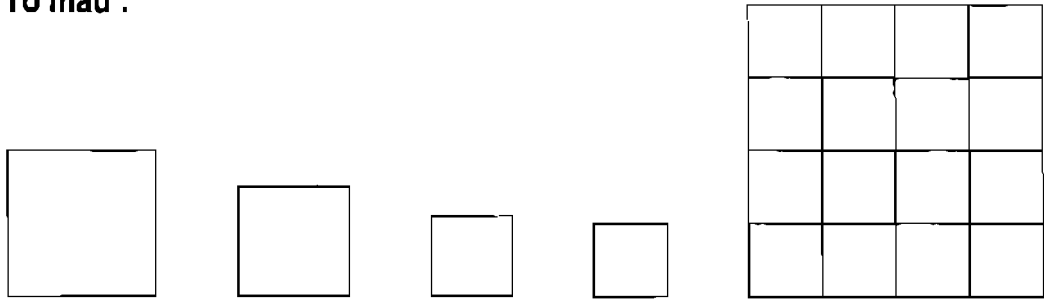
1. *Vở bài tập Toán 1* gồm các bài luyện tập, thực hành có cùng nội dung, mức độ như các bài tập trong sách giáo khoa, chỉ khác về hình thức thể hiện và số liệu. Do đó, trong các tiết học toán, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa.
2. Cách làm các bài tập trong vở này cũng giống như cách làm các bài tập trong sách giáo khoa. Ngoài ra, học sinh còn được làm quen với một số dạng bài tập kiểu mới. Vì vậy, nếu học sinh đã làm các bài tập trong sách giáo khoa thì có thể sử dụng vở này khi tự học hoặc ôn tập.
3. Trong cùng một buổi học, không nên yêu cầu học sinh vừa làm các bài tập trong sách giáo khoa, vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập, gây nặng nề không cần thiết.



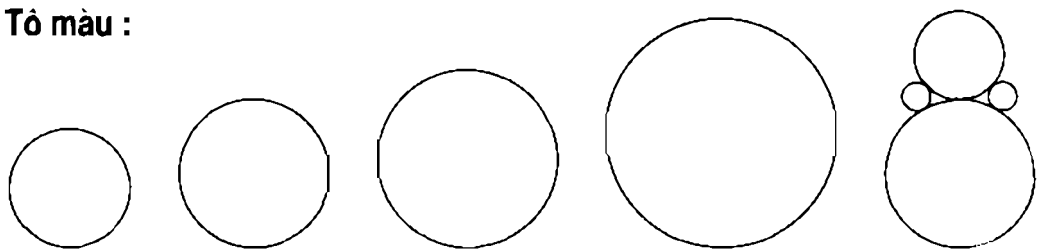


**Bài 3** ..... **HÌNH VUÔNG, HÌNH TRÒN** .....

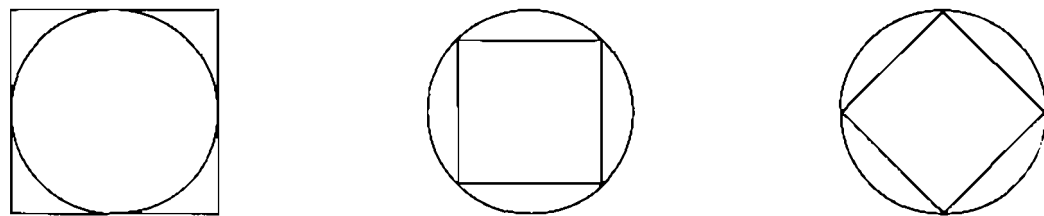
**1. Tô màu :**



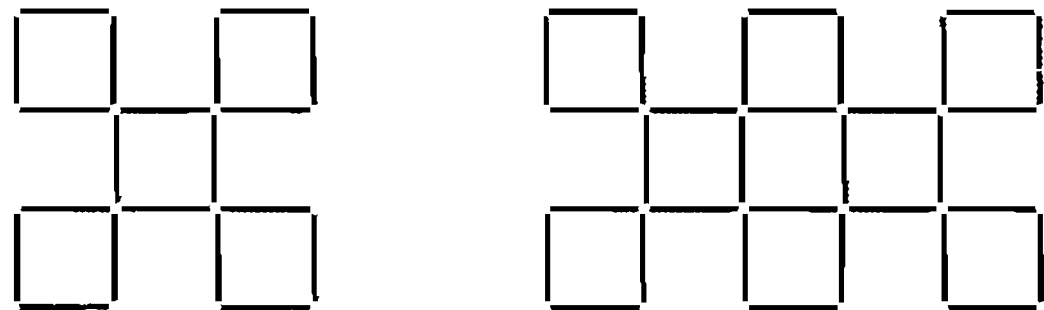
**2. Tô màu :**



**3. Tô màu :**



**4. Xếp thành các hình sau :**

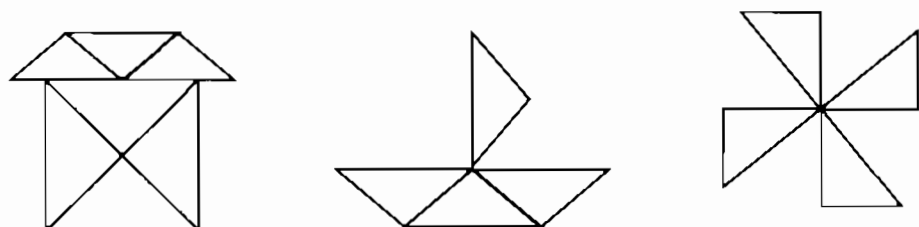


## Bài 4 HÌNH TAM GIÁC

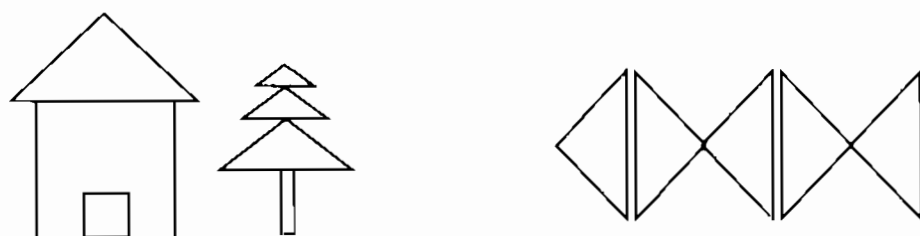
### 1. Tô màu :



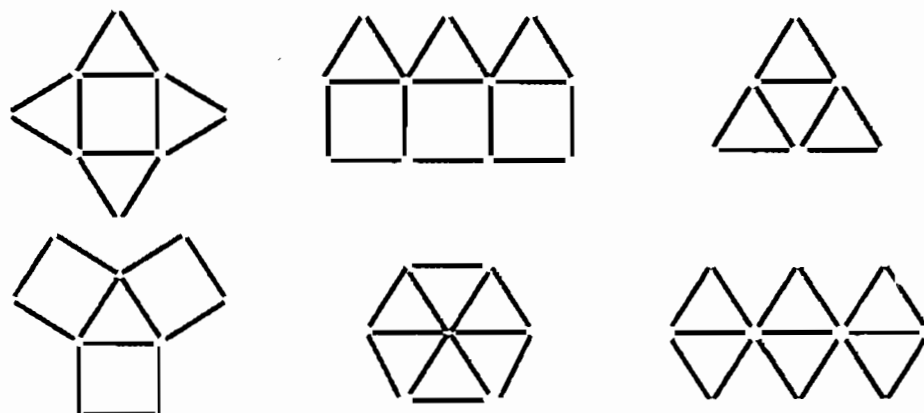
### 2. Tô màu :



### 3. Tô màu :

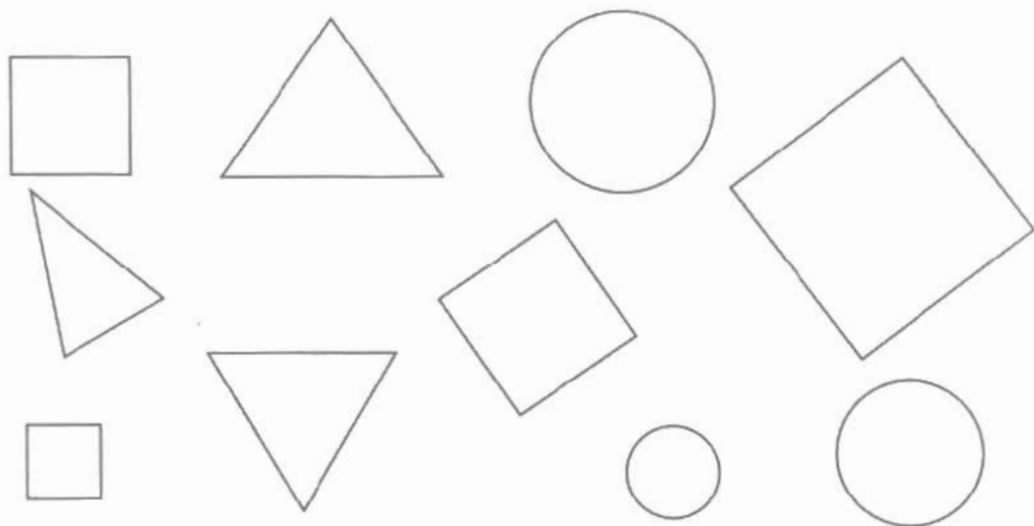


### 4. Xếp thành các hình sau :



## Bài 5 LUYỆN TẬP

1. Tô màu vào các hình : cùng hình dạng thì cùng một màu.



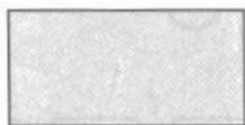
2. Ghép hình :



Ví dụ :



a)



b)



c)



# Bài 6 CÁC SỐ 1, 2, 3

## 1. Viết số :

1

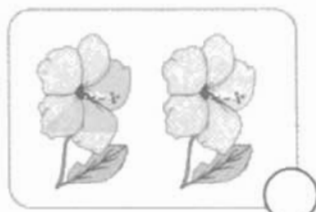
2

3

## 2. Số ?



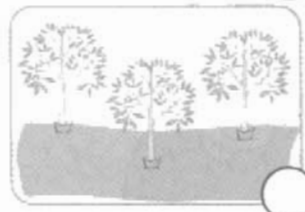
1



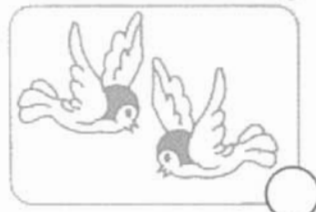
2



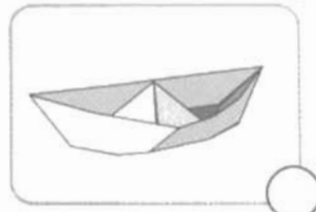
3



3



2

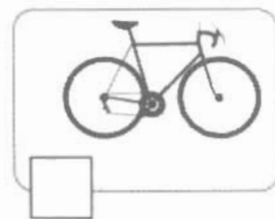
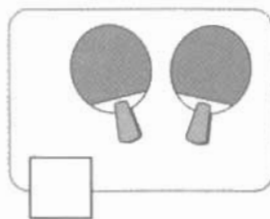
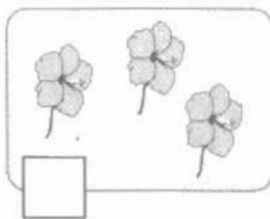
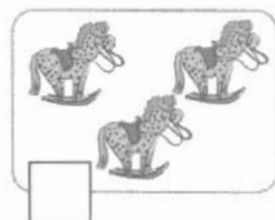


1

## 3. Viết số hoặc vẽ số chấm tròn thích hợp :



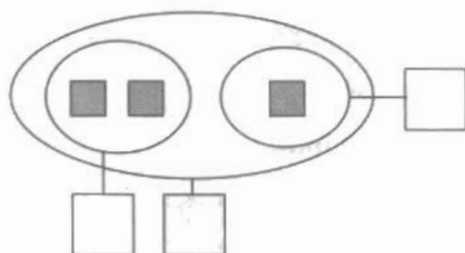
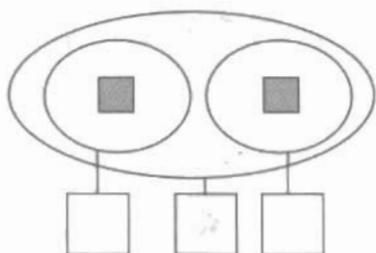
1. Số ?



2. Số ?



3. Số ?



4. Viết số :

1 2 3

## Bài 8 CÁC SỐ 1, 2, 3, 4, 5

**1. Viết số :**

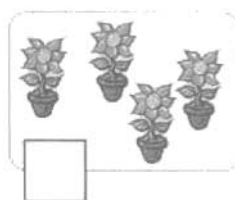
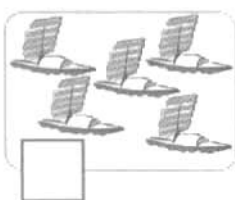
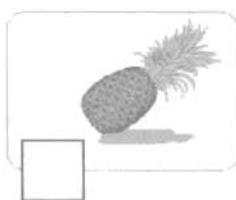
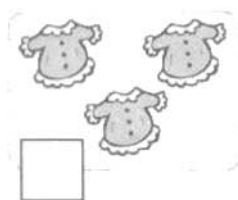
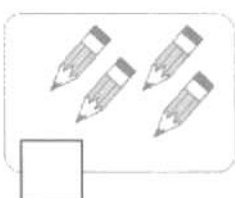
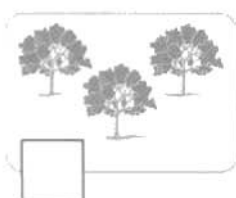
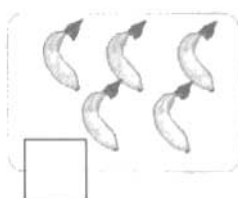
2. Số ?

|   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
| 1 |   | 3 | 4 |  |
| 5 | 4 |   | 2 |  |

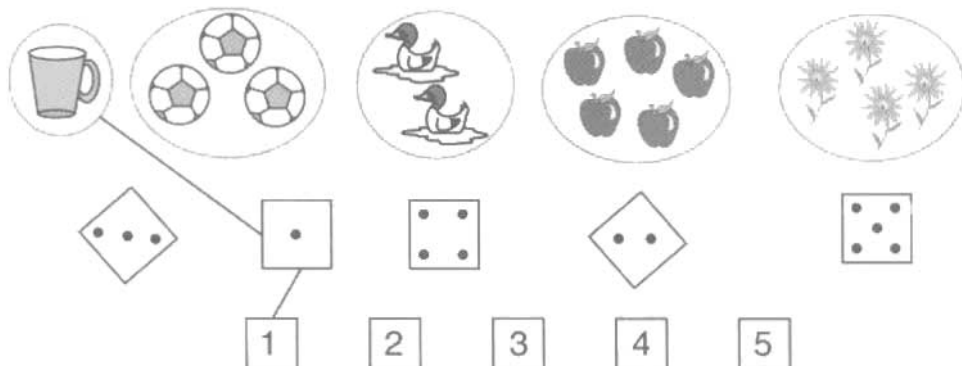
|   |  |   |   |  |
|---|--|---|---|--|
| 1 |  | 3 |   |  |
| 5 |  |   | 2 |  |

|  |   |   |  |   |
|--|---|---|--|---|
|  | 2 |   |  | 5 |
|  | 4 | 3 |  | 1 |

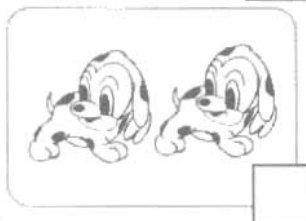
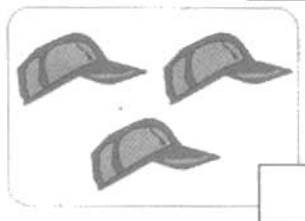
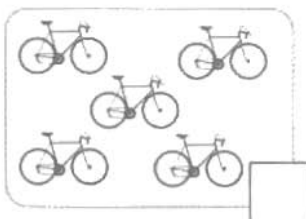
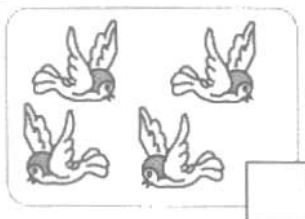
3. Số ?



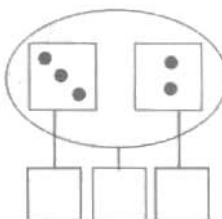
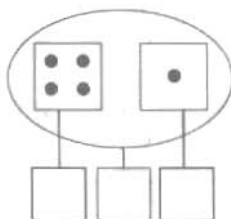
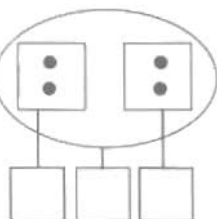
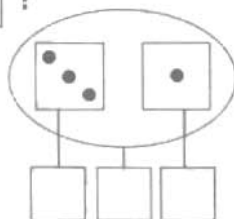
#### 4. Nói theo mẫu :



1. Số ?



2. Số ?



3. Số ?



|   |   |  |   |  |
|---|---|--|---|--|
| 1 | 2 |  | 4 |  |
|---|---|--|---|--|

|   |   |  |  |  |
|---|---|--|--|--|
| 5 | 4 |  |  |  |
|---|---|--|--|--|

|  |  |   |  |   |
|--|--|---|--|---|
|  |  | 3 |  | 5 |
|--|--|---|--|---|

|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | 4 |  | 2 |  |
|--|---|--|---|--|

4. Viết số :

1 2 3 4 5

5 4 3 2 1

# Bài 10                      BÉ HƠN. DẤU <

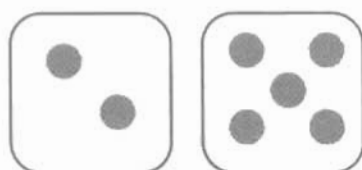
## 1. Viết dấu <



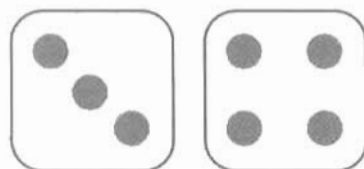
## 2. Viết (theo mẫu) :



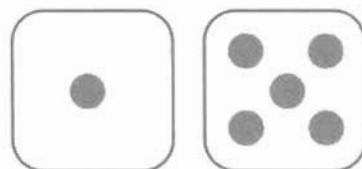
1 < 3



<



<



<

## 3. Viết dấu < vào ô trống :

1  2

3  5

3  4

1  4

1  5

2  4

2  5

2  3

## 4. Nối với số thích hợp :

①

②

③

④

⑤

1 <

2 <

3 <

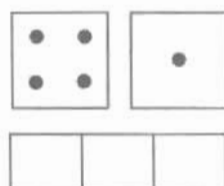
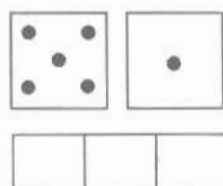
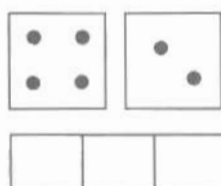
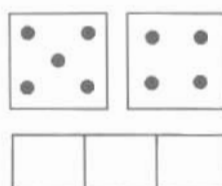
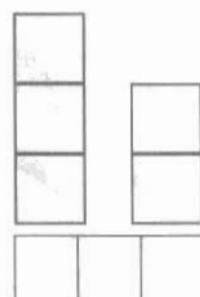
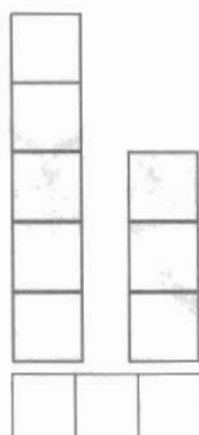
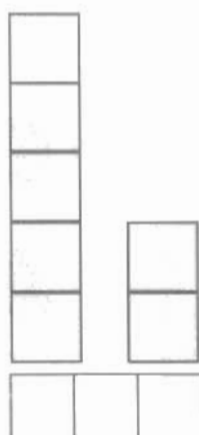
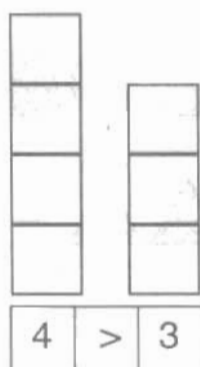
4 <

# Bài 11 **LỚN HƠN. DẤU >**

## 1. Viết dấu >



## 2. Viết (theo mẫu) :



## 3. Viết dấu > vào ô trống :

2  1      5  4      4  3      3  2  
 4  2      5  1      5  3      5  2

## 4. Nối với số thích hợp :

2 >       3 >       4 >       5 >

1

2

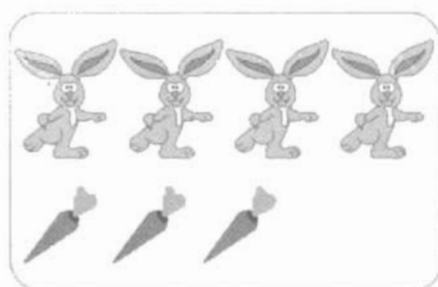
3

4

5

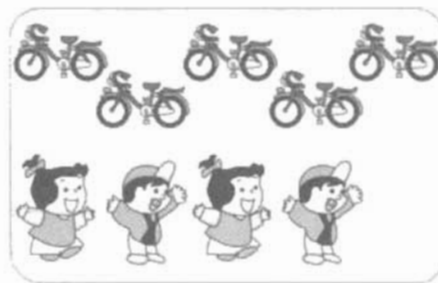
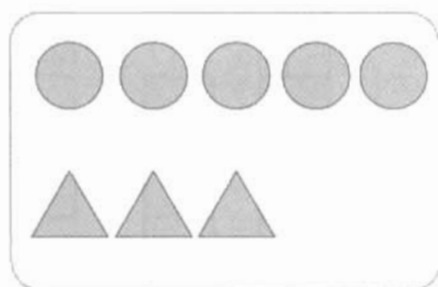
1.  $\begin{matrix} > \\ < \end{matrix}$  ?
- |             |             |             |             |
|-------------|-------------|-------------|-------------|
| $3 \dots 4$ | $5 \dots 2$ | $1 \dots 3$ | $2 \dots 4$ |
| $4 \dots 3$ | $2 \dots 5$ | $3 \dots 1$ | $4 \dots 2$ |

2. Viết (theo mẫu) :



4 > 3

3 < 4



3. Nối ☐ với số thích hợp :

1 < ☐

2 < ☐

4 < ☐

1

2

3

4

5

2 > ☐

3 > ☐

5 > ☐

# Bài 13 BẰNG NHAU. DẤU =

## 1. Viết (theo mẫu) :

=

5 = 5

## 2. Viết (theo mẫu) :



4 > 3

3 < 4

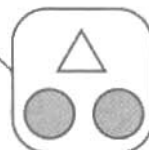
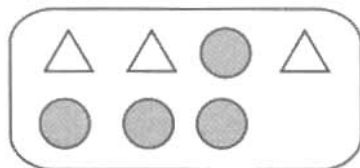
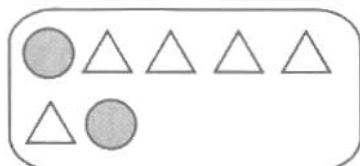
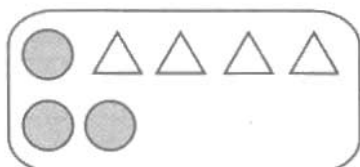


3. 

|   |
|---|
| > |
| < |
| = |

 ?
- |         |         |         |         |
|---------|---------|---------|---------|
| 4 ... 5 | 1 ... 4 | 2 ... 3 | 1 ... 1 |
| 2 ... 2 | 5 ... 2 | 2 ... 4 | 5 ... 1 |
| 3 ... 1 | 3 ... 3 | 2 ... 5 | 3 ... 5 |

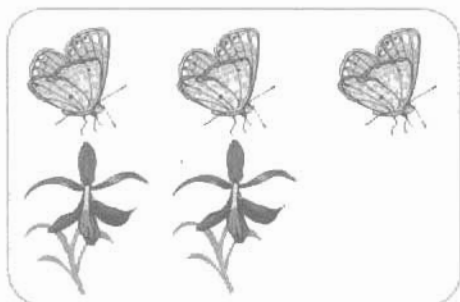
## 4. Làm cho bằng nhau (theo mẫu) :



5 = 5

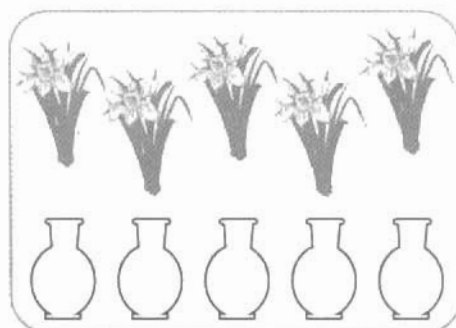
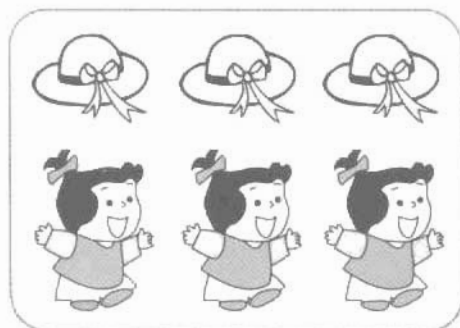
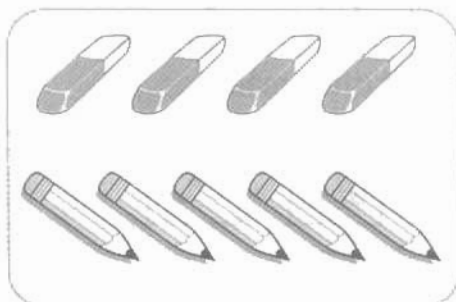
1.  $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$  ?
- |         |         |         |         |
|---------|---------|---------|---------|
| 1 ... 2 | 4 ... 3 | 2 ... 3 | 3 ... 4 |
| 2 ... 2 | 4 ... 4 | 3 ... 5 | 4 ... 5 |
| 3 ... 2 | 4 ... 5 | 2 ... 5 | 3 ... 5 |

2. Viết (theo mẫu) :

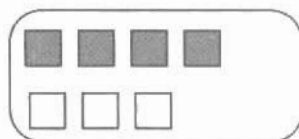
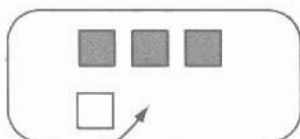


3 > 2

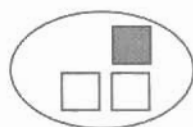
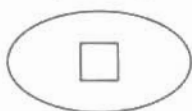
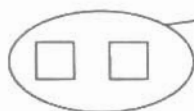
2 < 3



3. Làm cho bằng nhau (theo mẫu) :



3 = 3

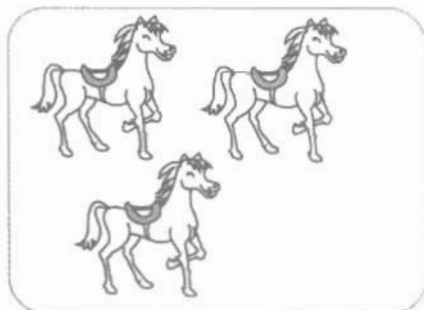
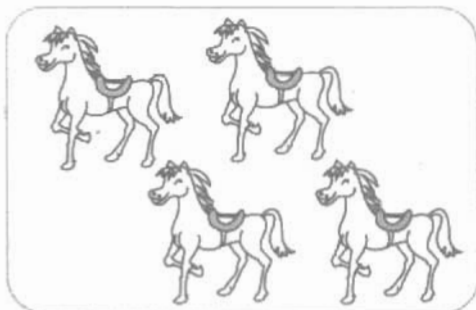


1. Làm cho bằng nhau (bằng cách : vẽ thêm hoặc gạch bớt) :

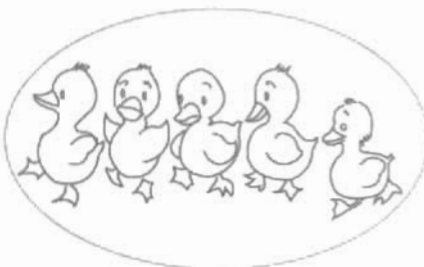
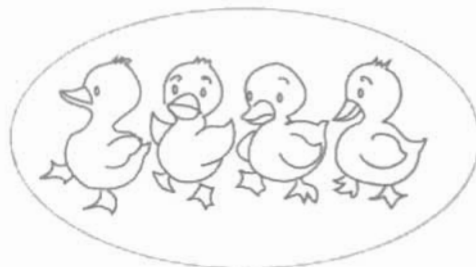
a)



b)



c)



2. Nối ☐ với số thích hợp :

$$\square < 2$$

$$\square < 3$$

$$\square < 4$$

1

2

3

3. Nối ☐ với số thích hợp :

$$2 > \square$$

$$3 > \square$$

$$4 > \square$$

$$5 > \square$$

1

2

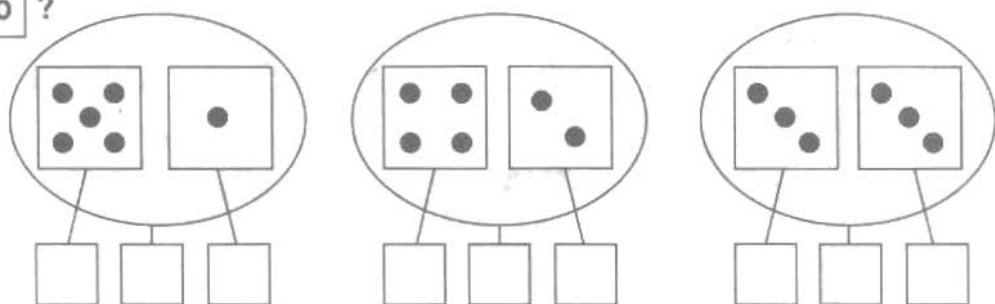
3

4

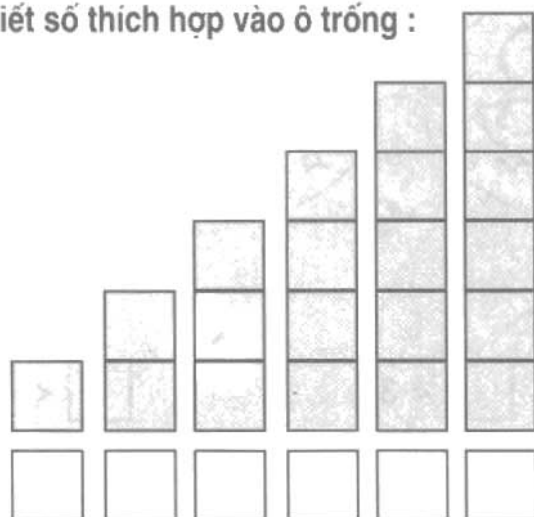
1. Viết số :

6

2. Số ?



3. Viết số thích hợp vào ô trống :



|   |   |  |   |   |   |
|---|---|--|---|---|---|
| 1 | 2 |  |   |   | 6 |
|   | 2 |  | 4 |   |   |
| 1 |   |  |   | 5 |   |
| 6 | 5 |  | 3 |   |   |
| 6 |   |  |   |   | 1 |
| 6 |   |  |   | 2 |   |

4.



?

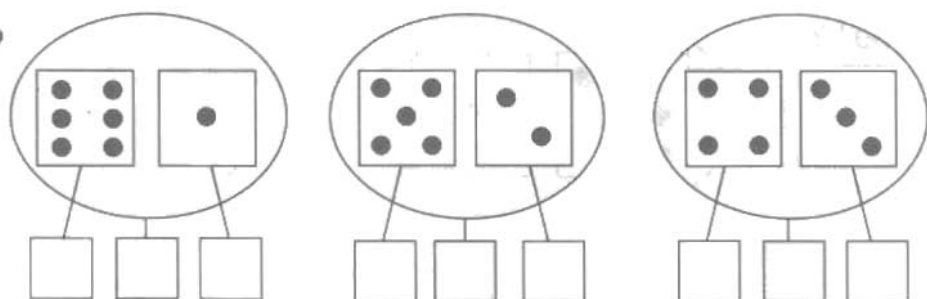
|   |                      |   |   |                      |   |   |                      |   |   |                      |   |
|---|----------------------|---|---|----------------------|---|---|----------------------|---|---|----------------------|---|
| 6 | <input type="text"/> | 5 | 3 | <input type="text"/> | 6 | 6 | <input type="text"/> | 4 | 3 | <input type="text"/> | 3 |
| 6 | <input type="text"/> | 4 | 6 | <input type="text"/> | 3 | 4 | <input type="text"/> | 2 | 3 | <input type="text"/> | 5 |
| 6 | <input type="text"/> | 2 | 6 | <input type="text"/> | 6 | 6 | <input type="text"/> | 2 | 3 | <input type="text"/> | 6 |

# Bài 17 SỐ 7

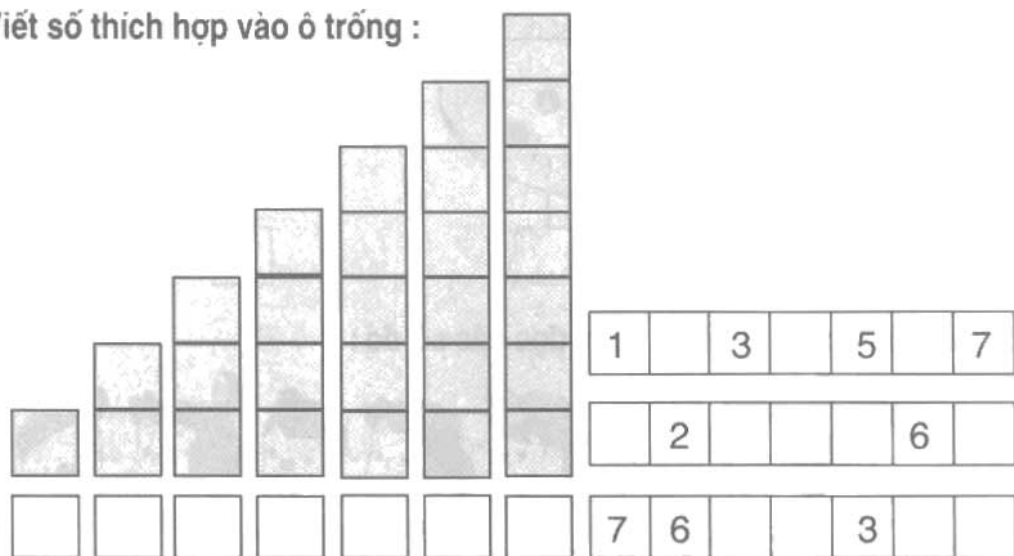
## 1. Viết số :

7

## 2. Số ?



## 3. Viết số thích hợp vào ô trống :



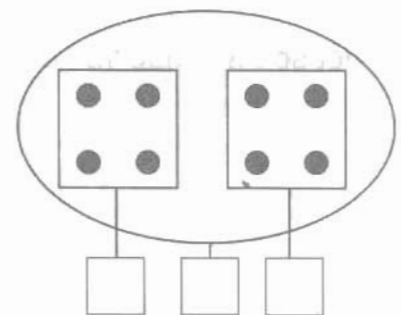
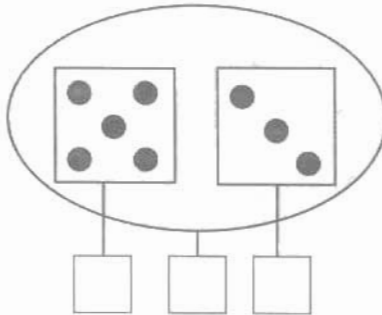
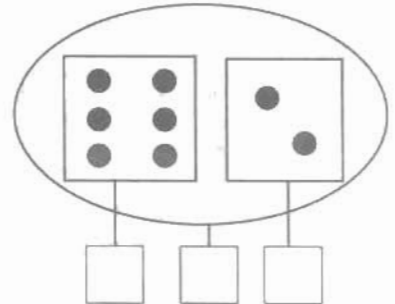
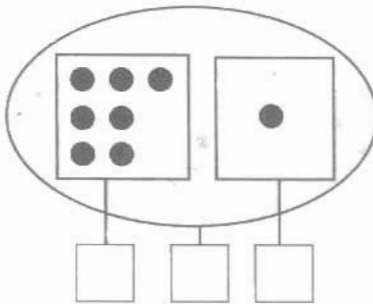
4.

|     |                          |                          |                          |                          |
|-----|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| $>$ | 7 <input type="text"/> 6 | 2 <input type="text"/> 5 | 7 <input type="text"/> 3 | 6 <input type="text"/> 6 |
| $<$ | 7 <input type="text"/> 4 | 5 <input type="text"/> 7 | 3 <input type="text"/> 1 | 6 <input type="text"/> 7 |
| $=$ | 7 <input type="text"/> 2 | 2 <input type="text"/> 7 | 7 <input type="text"/> 1 | 7 <input type="text"/> 7 |

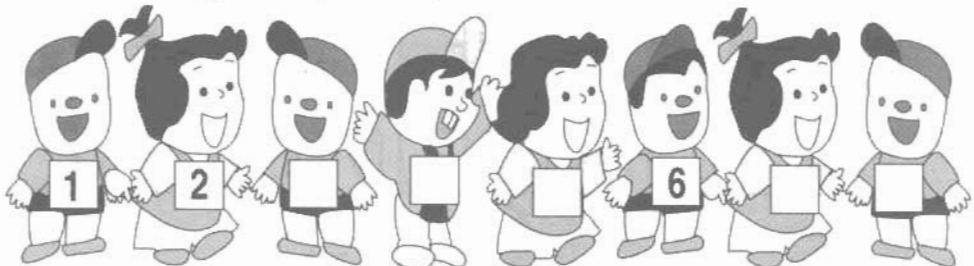
1. Viết số :

8

2. Số ?



3. Viết số thích hợp vào  rồi đọc các số đó :

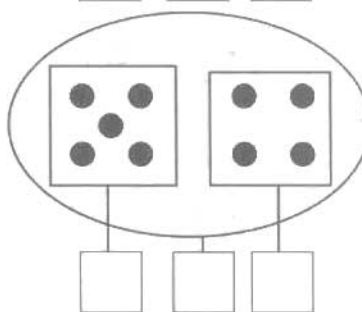
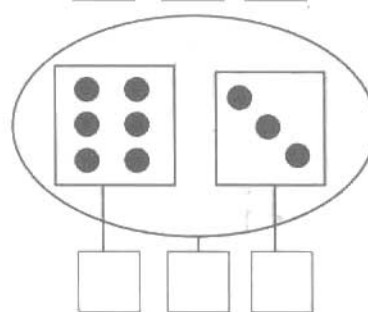
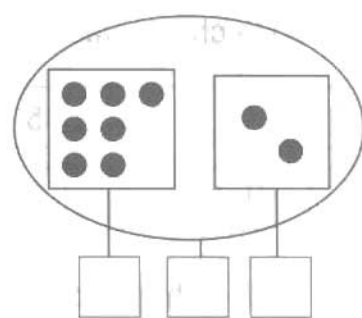
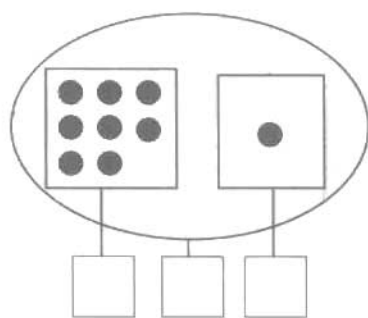


|                      |         |         |         |         |
|----------------------|---------|---------|---------|---------|
| 4.                   | 7 ... 8 | 4 ... 8 | 8 ... 5 | 1 ... 6 |
| <input type="text"/> | 8 ... 7 | 8 ... 4 | 5 ... 4 | 6 ... 8 |
| <input type="text"/> | 8 ... 8 | 4 ... 4 | 8 ... 4 | 1 ... 8 |

1. Viết số :

9

2. Số ?



3.



8 ... 9

7 ... 8

9 ... 7

9 ... 8

9 ... 8

8 ... 9

7 ... 6

9 ... 7

9 ... 9

7 ... 9

9 ... 6

9 ... 6

4. Số ?

8 < ...

7 < ...

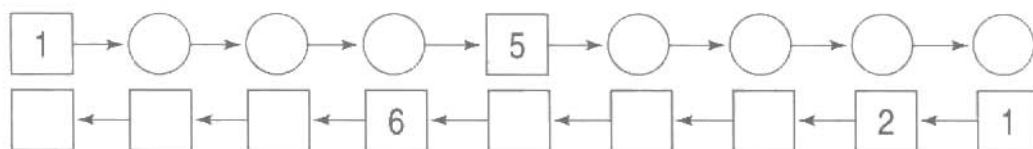
7 < ... < 9

... > 8

... > 7

6 < ... < 8

5. Viết số thích hợp vào ô trống :



1. Viết số :

|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 0 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

|   |   |   |   |  |   |
|---|---|---|---|--|---|
| 0 | 1 |   | 3 |  | 5 |
|   |   | 2 |   |  |   |

|   |   |   |  |   |  |   |
|---|---|---|--|---|--|---|
| 0 |   | 2 |  |   |  |   |
|   | 1 |   |  | 5 |  | 8 |

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

|   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|--|---|---|
| 0 | → |   | → | 2 |   |   |   |  |   |   |
|   | → | 1 | → |   | → | 3 | → |  | → | 5 |
| 6 | → |   | → | 8 |   |   |   |  |   |   |
| 5 | → |   | → |   | → | 8 | → |  |   |   |
|   | → | 9 |   |   |   |   |   |  |   |   |
| 4 | → |   |   |   |   |   |   |  |   |   |
|   | → | 1 |   |   |   |   |   |  |   |   |
|   | → |   | → | 2 |   |   |   |  |   |   |

|          |         |         |         |         |
|----------|---------|---------|---------|---------|
| 4.       | 0 ... 1 | 0 ... 5 | 7 ... 0 | 2 ... 0 |
| $\Delta$ | 0 ... 2 | 8 ... 0 | 0 ... 4 | 2 ... 2 |
| $\nabla$ | 0 ... 3 | 9 ... 0 | 0 ... 6 | 0 ... 0 |
| $=$      |         |         |         |         |

5. Khoanh vào số bé nhất :

9 , 5 , 0 , 2

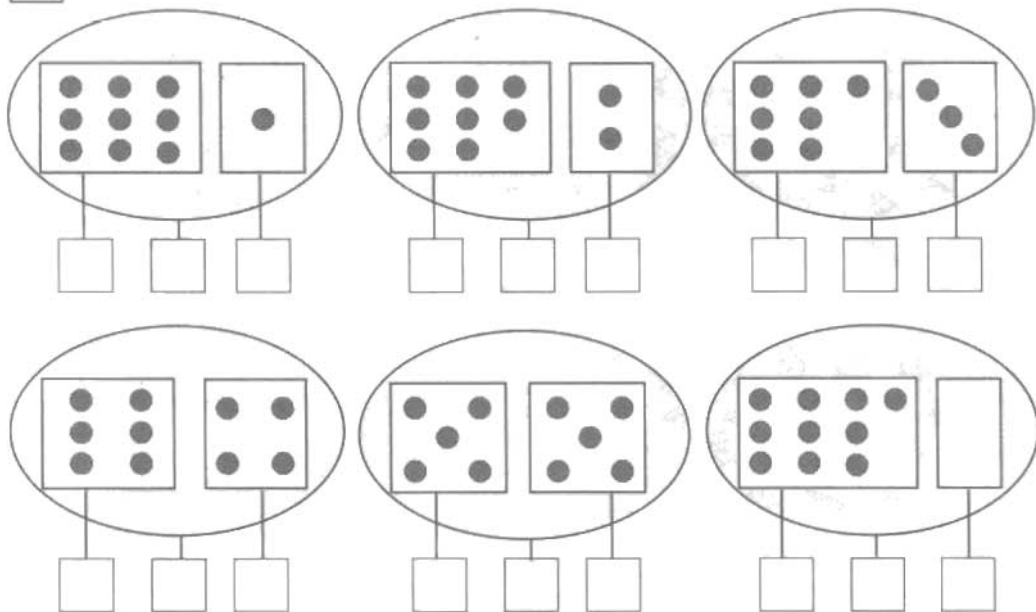
6. Xếp hình theo mẫu sau :

|                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|

**1. Viết số :**

10

2. Số ?



**3. Viết số thích hợp vào ô trống :**

|   |  |   |  |  |  |   |  |  |  |
|---|--|---|--|--|--|---|--|--|--|
| 0 |  | 2 |  |  |  | 6 |  |  |  |
|---|--|---|--|--|--|---|--|--|--|

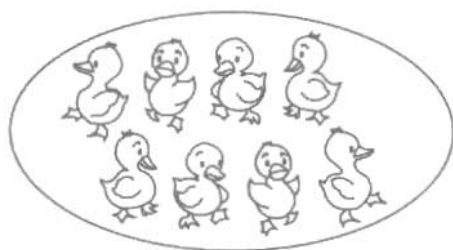
  

|    |  |  |  |  |  |   |  |  |  |
|----|--|--|--|--|--|---|--|--|--|
| 10 |  |  |  |  |  | 4 |  |  |  |
|----|--|--|--|--|--|---|--|--|--|

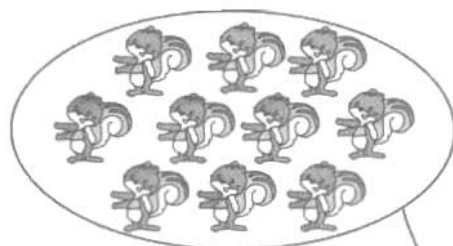
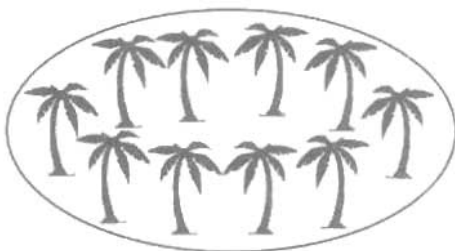
4. Khoanh vào số lớn nhất :

- a) 4 , 2 , 7 , 1.  
b) 8 , 10 , 9 , 6.

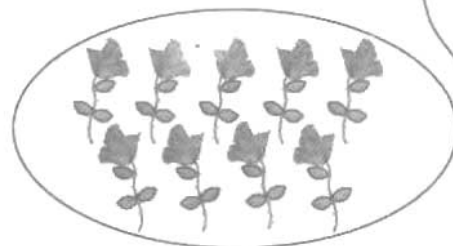
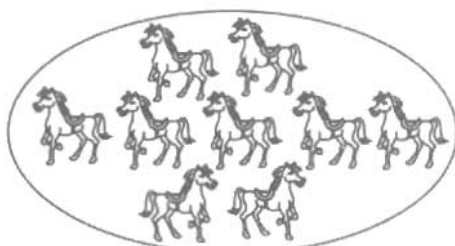
1. Nối (theo mẫu) :



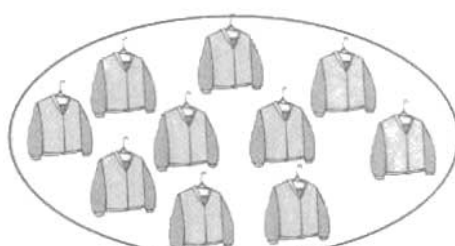
8



9

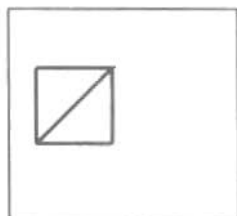
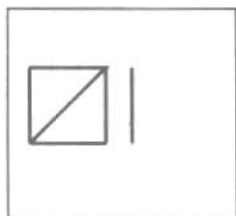
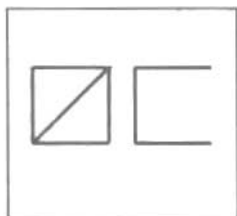
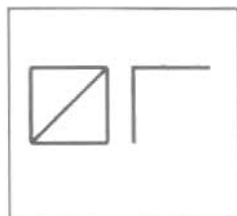


10



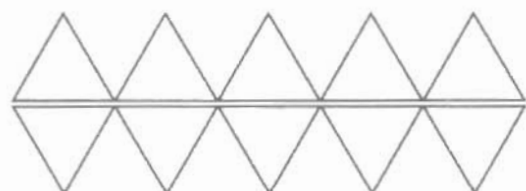
2. Vẽ thêm cho đủ 10 (theo mẫu) :

Mẫu :

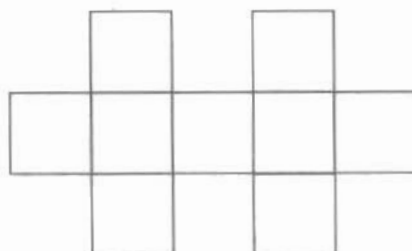


### 3. Điền số thích hợp vào :

a) Có mấy hình tam giác ?




b) Có mấy hình vuông ?




4. a)



?

0 ... 1

0 ... 2

0 ... 3

8 ... 5

5 ... 0

8 ... 0

6 ... 9

9 ... 6

9 ... 9

10 ... 9

9 ... 10

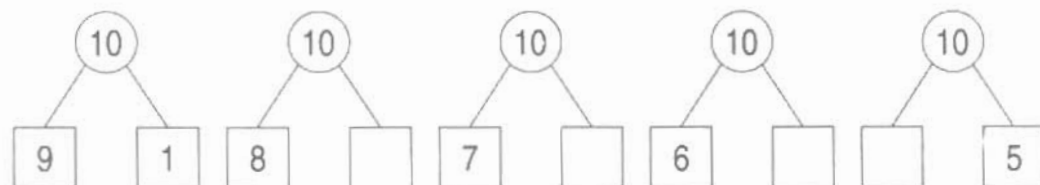
10 ... 10

b) Trong các số từ 0 đến 10 :

Số bé nhất là : ...

Số lớn nhất là : ...

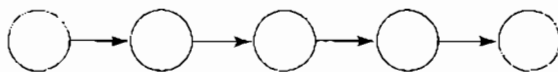
5.  Số ?



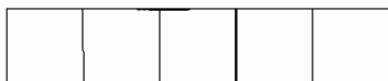


**4. Xếp các số 8, 2, 1, 5, 10 :**

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn :



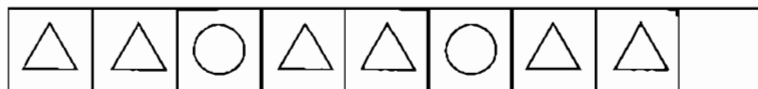
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé :



**5. a) Xếp hình theo mẫu sau :**

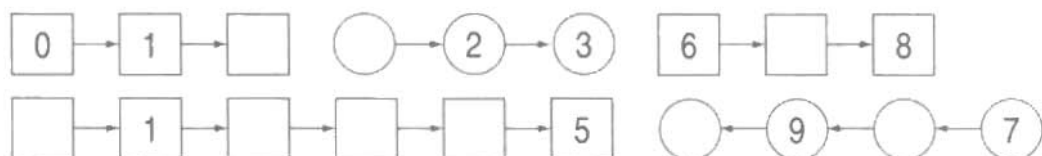


b) Xếp hình còn thiếu vào ô trống :



# Bài 24 **LUYỆN TẬP CHUNG**

## 1. Số ?



## 2.



?

|         |         |          |         |         |
|---------|---------|----------|---------|---------|
| 8 ... 5 | 3 ... 6 | 10 ... 9 | 2 ... 2 | 0 ... 1 |
| 4 ... 9 | 7 ... 7 | 9 ... 10 | 0 ... 2 | 1 ... 0 |

## 3. Số ?



< 1



> 9



6 <  < 8

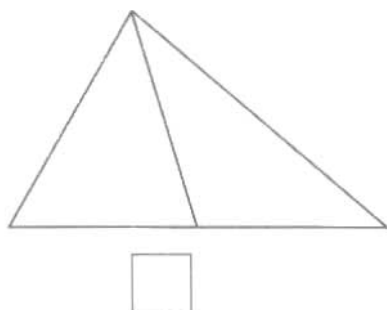
## 4. Viết các số 6, 2, 9, 4, 7 :

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn : .....

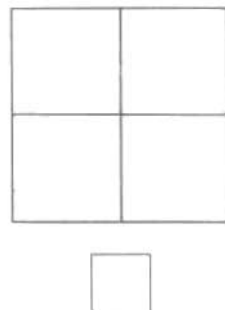
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé : .....

## 5. Điền số thích hợp vào :

a) Có mấy hình tam giác ?

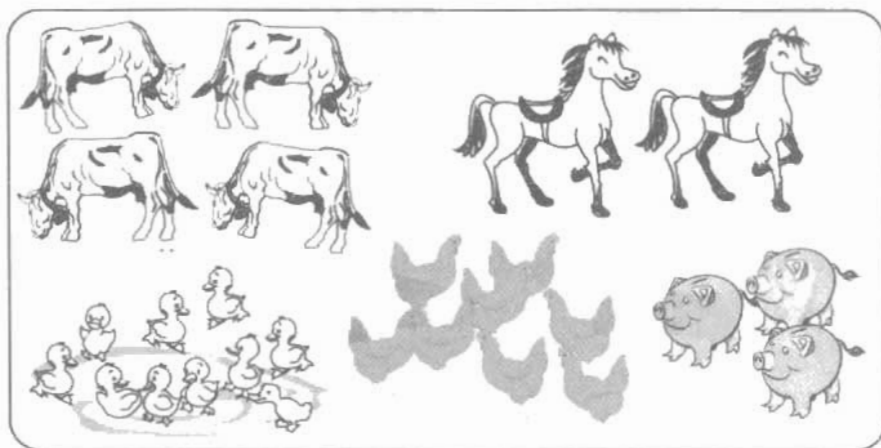


b) Có mấy hình vuông ?



# TỰ KIỂM TRA

1. Số ?



2. Số ?

|   |   |   |  |  |   |
|---|---|---|--|--|---|
| 0 | 1 | 2 |  |  | 5 |
|---|---|---|--|--|---|

|   |  |   |   |  |
|---|--|---|---|--|
| 5 |  | 7 | 8 |  |
|---|--|---|---|--|

|  |   |   |
|--|---|---|
|  | 1 | 2 |
|--|---|---|

|   |   |   |  |
|---|---|---|--|
| 3 | 2 | 1 |  |
|---|---|---|--|

|   |   |  |   |
|---|---|--|---|
| 7 | 6 |  | 4 |
|---|---|--|---|

|  |   |  |   |
|--|---|--|---|
|  | 9 |  | 7 |
|--|---|--|---|

3.



?

0 ... 1

8 ... 5

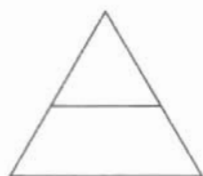
7 ... 7

3 ... 9

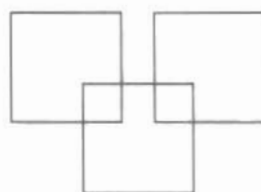
10 ... 6

4 ... 8

4. Số ?



... hình tam giác



... hình vuông

**Bài 25 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 3**

1. **Số** ?     $1 + 2 = \square$      $1 + 1 = \square$      $3 = \square + \square$   
                  $2 + 1 = \square$      $2 = 1 + \square$      $3 = \square + \square$

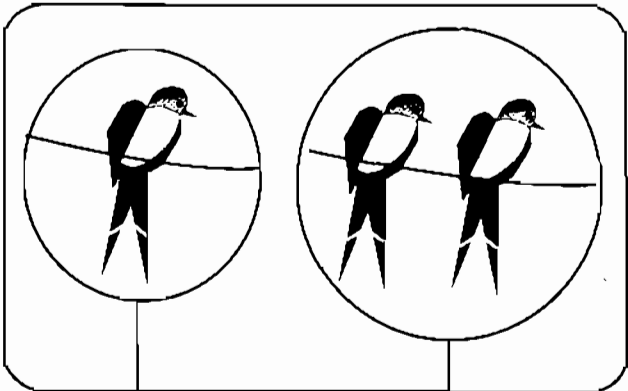
2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

|                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 1 \\ + 1 \\ \hline \dots \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 1 \\ \hline \dots \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \dots \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + \dots \\ \hline 2 \end{array}$ | $\begin{array}{r} \dots \\ + 2 \\ \hline 3 \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + \dots \\ \hline 3 \end{array}$ |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|

3. Nối phép cộng với số thích hợp :

|                                                                                                     |                                                                                                     |                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"><math>1 + 1</math></div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"><math>1 + 2</math></div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"><math>2 + 1</math></div> |
| ( 2 )                                                                                               | ( 3 )                                                                                               | ( 4 )                                                                                               |

4. Viết phép tính thích hợp :

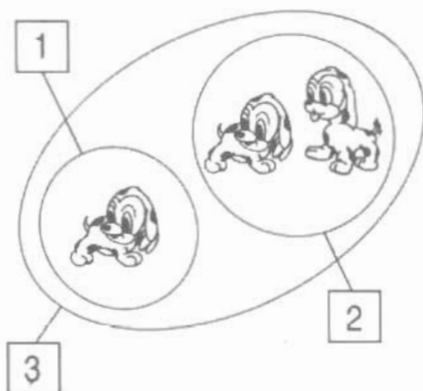


1

3

2

1. a) Số ?



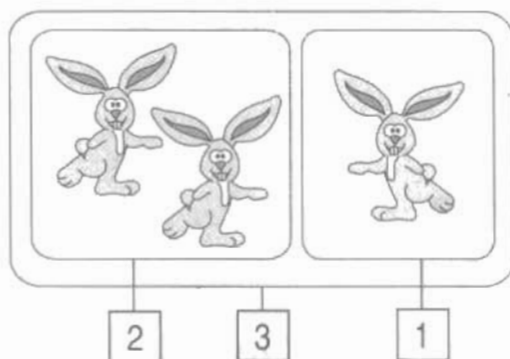
$$\square + \square = \square$$

$$\square + \square = \square$$

b) + ?

$$2 \square + 1 = 3$$

$$1 \square + 2 = 3$$



2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 1 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 1 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 2 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \dots \\ 1 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 2 \\ \dots \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + \dots \\ 2 \\ \hline 3 \end{array}$$

3. Số ?

$$1 + \square = 2$$

$$\square + 1 = 3$$

$$3 = \square + 1$$

$$\square + 1 = 2$$

$$2 + \square = 3$$

$$3 = 1 + \square$$

$$1 + 1 = \square$$

$$2 + 1 = \square$$

$$1 + 2 = 2 + \square$$

# Bài 27 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 4

## 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$\begin{array}{lllll} 2+2 = \dots & 3+1 = \dots & 1+1 = \dots & 4 = 3+ \dots & 4 = 1+ \dots \\ 1+3 = \dots & 2+1 = \dots & 1+2 = \dots & 4 = 2+ \dots & 3 = 1+ \dots \end{array}$$

## 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + 1 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \dots \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3 \\ + \dots \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 2 \\ + \dots \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1 \\ + \dots \\ \hline 4 \end{array}$$

3.

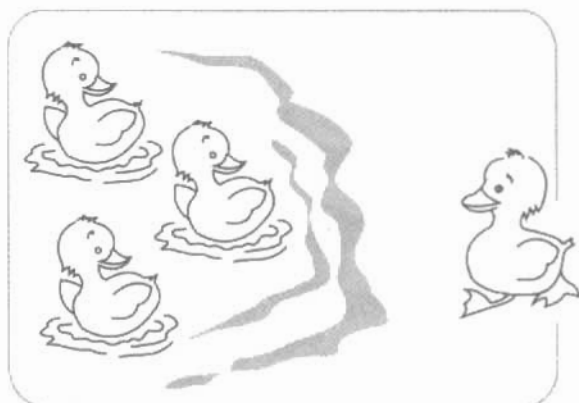


?

$$\begin{array}{l} 3 \dots 2+1 \\ 3 \dots 1+3 \\ 3 \dots 1+1 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 1+2 \dots 4 \\ 3+1 \dots 4 \\ 2+2 \dots 4 \end{array}$$

## 4. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5. Số ?

$$\square + \square = 4$$

1. Tính :

a)  $1 + 1 = \dots$        $1 + 2 = \dots$        $2 + 2 = \dots$        $1 + 1 = \dots$   
 $2 + 1 = \dots$        $1 + 3 = \dots$        $3 + 1 = \dots$        $1 + 2 = \dots$   
 $3 + 1 = \dots$        $1 + 1 = \dots$        $1 + 3 = \dots$        $2 + 1 = \dots$

b) 
$$\begin{array}{r} + 3 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} + 2 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} + 1 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} + 2 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} + 1 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} + 1 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$
  
 $\dots$        $\dots$        $\dots$        $\dots$        $\dots$        $\dots$

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

$\begin{array}{c} \textcircled{1} \xrightarrow{+1} \square \\ \textcircled{2} \xrightarrow{+1} \square \end{array}$        $\begin{array}{c} \textcircled{1} \xrightarrow{+2} \square \\ \textcircled{2} \xrightarrow{+2} \square \end{array}$        $\begin{array}{c} \textcircled{3} \xrightarrow{+1} \square \\ \textcircled{1} \xrightarrow{+3} \square \end{array}$        $\begin{array}{c} \textcircled{2} \xrightarrow{+1} \square \\ \textcircled{1} \xrightarrow{+2} \square \end{array}$

3. Tính :

$1 + 1 + 2 = \dots$        $2 + 1 + 1 = \dots$        $1 + 2 + 1 = \dots$

4.

$\begin{array}{|c|} \hline > \\ < \\ = \\ \hline \end{array} ?$        $2 + 1 \dots 4$        $2 + 1 \dots 3$        $2 + 1 \dots 1 + 3$   
 $2 + 2 \dots 4$        $2 + 2 \dots 3$        $1 + 3 \dots 3 + 1$

5. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

# Bài 29 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 5

## 1. Tính :

a)  $2 + 3 = \dots$        $4 + 1 = \dots$        $2 + 2 = \dots$        $1 + 1 = \dots$

$3 + 2 = \dots$        $1 + 4 = \dots$        $2 + 1 = \dots$        $3 + 1 = \dots$

b)

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

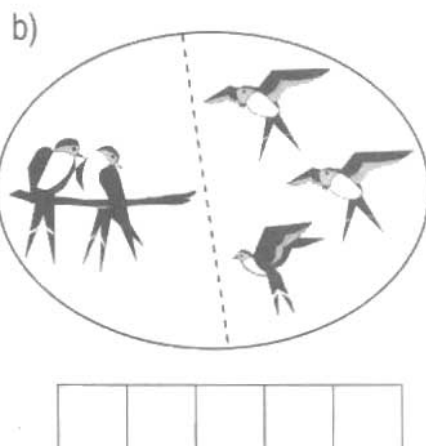
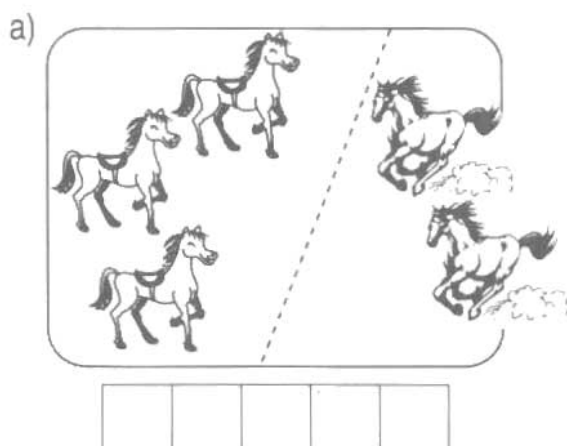
## 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$4 + 1 = \dots$        $3 + 2 = \dots$        $2 + 1 = \dots$        $3 + 1 = \dots$

$1 + 4 = \dots$        $2 + 3 = \dots$        $1 + 2 = \dots$        $2 + 2 = \dots$

$5 = 1 + \dots$        $5 = 3 + \dots$        $3 = 2 + \dots$        $4 = 2 + \dots$

## 3. Viết phép tính thích hợp :



## 4. Số ?

$\square + \square = 5$

$\square + \square = 4$

$\square + \square = 3$

1. Số ?

$1 + 1 = \square$

$1 + 2 = \square$

$1 + 3 = \square$

$1 + 4 = \square$

$2 + 1 = \square$

$2 + 2 = \square$

$2 + 3 = \square$

$3 + 1 = \square$

$3 + 2 = \square$

$4 + 1 = \square$

$4 + 1 = 1 + \square$

2. Tính :

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 1 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

...

3. Tính :

$3 + 1 + 1 = \dots$

$1 + 2 + 2 = \dots$

$2 + 1 + 1 = \dots$

$1 + 3 + 1 = \dots$

$2 + 2 + 1 = \dots$

$2 + 1 + 2 = \dots$

4.



?

$5 \dots 3 + 2$

$4 \dots 3 + 2$

$3 + 2 \dots 2 + 3$

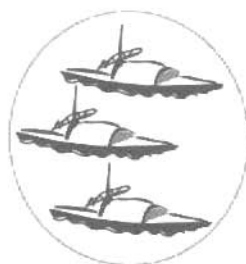
$5 \dots 3 + 1$

$4 \dots 3 + 1$

$1 + 2 + 2 \dots 2 + 2$

5. Viết phép tính thích hợp :

a)

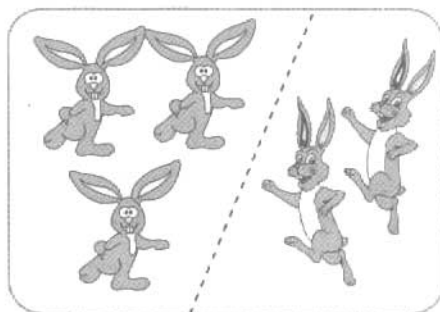


và



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

# Bài 31 SỐ 0 TRONG PHÉP CỘNG

## 1. Tính :

a)  $4 + 0 = \dots$        $3 + 0 = \dots$        $0 + 2 = \dots$        $1 + 0 = \dots$   
 $0 + 4 = \dots$        $0 + 3 = \dots$        $2 + 0 = \dots$        $0 + 1 = \dots$

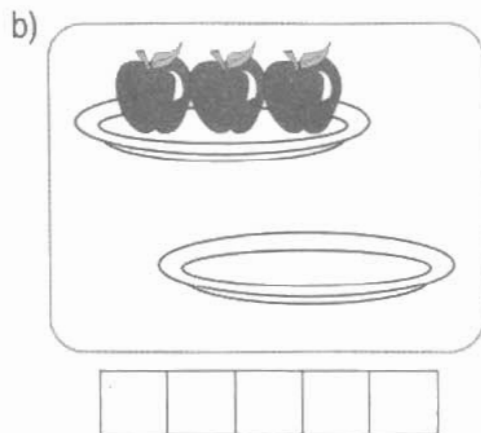
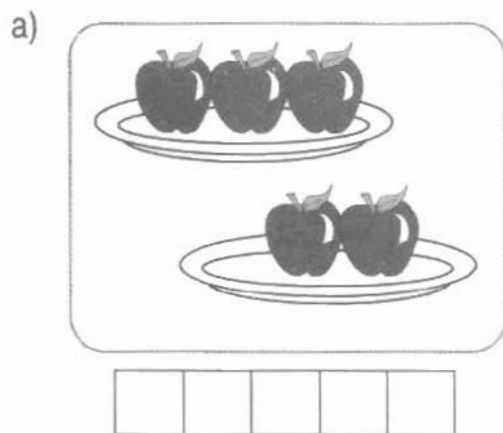
b)

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 5 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 0 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 0 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

## 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

|                 |                     |                 |
|-----------------|---------------------|-----------------|
| $4 + \dots = 4$ | $3 + 0 = 2 + \dots$ | $\dots + 2 = 4$ |
| $\dots + 3 = 3$ | $\dots + 2 = 2 + 0$ | $0 + \dots = 0$ |

## 3. Viết phép tính thích hợp :



## 4. Nối phép tính với số thích hợp :

|         |         |         |
|---------|---------|---------|
| $3 + 0$ | $0 + 4$ | $5 + 0$ |
|---------|---------|---------|

3
5
4

1. Tính :

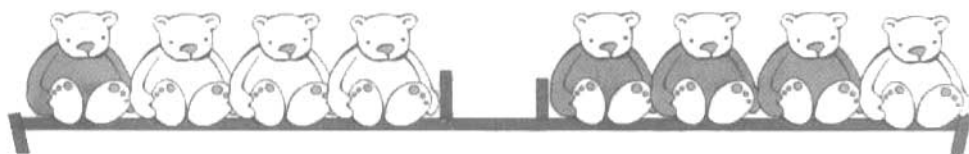
|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $0 + 1 = \dots$ | $0 + 2 = \dots$ | $0 + 3 = \dots$ | $0 + 4 = \dots$ |
| $1 + 1 = \dots$ | $1 + 2 = \dots$ | $1 + 3 = \dots$ | $1 + 4 = \dots$ |
| $2 + 1 = \dots$ | $2 + 2 = \dots$ | $2 + 3 = \dots$ |                 |
| $3 + 1 = \dots$ | $3 + 2 = \dots$ |                 |                 |
| $4 + 1 = \dots$ |                 |                 |                 |

2. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $3 + 2 = \dots$ | $1 + 4 = \dots$ | $1 + 2 = \dots$ | $0 + 5 = \dots$ |
| $2 + 3 = \dots$ | $4 + 1 = \dots$ | $2 + 1 = \dots$ | $5 + 0 = \dots$ |

3.

|                                                                                                                                                 |                 |                 |                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;"> <math>\begin{matrix} &gt; \\ &lt; \\ = \end{matrix}</math> </div> ? | $3 + 2 \dots 4$ | $5 + 0 \dots 5$ | $3 + 1 \dots 4 + 1$ |
|                                                                                                                                                 | $2 + 1 \dots 2$ | $0 + 4 \dots 3$ | $2 + 0 \dots 0 + 2$ |



$1 + 3 \dots 3 + 1$

4. Viết kết quả phép cộng :

| + | 1 | 2 | 3 | 4 |
|---|---|---|---|---|
| 1 |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |
| 4 |   |   |   |   |



1. Tính :

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 5 \\ 0 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 1 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 3 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 2 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 0 \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

...

2. Tính :

$2 + 1 + 1 = \dots$

$1 + 3 + 1 = \dots$

$3 + 1 + 1 = \dots$

$4 + 1 + 0 = \dots$

$2 + 2 + 1 = \dots$

$2 + 0 + 3 = \dots$

3.



?

$2 + 2 \dots 5$

$2 + 3 \dots 5$

$5 + 0 \dots 5$

$2 + 1 \dots 1 + 2$

$2 + 2 \dots 1 + 2$

$2 + 0 \dots 1 + 2$

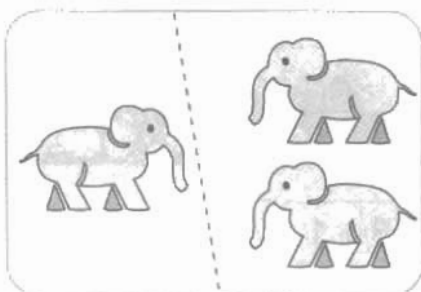
$3 + 1 \dots 3 + 2$

$3 + 1 \dots 1 + 3$

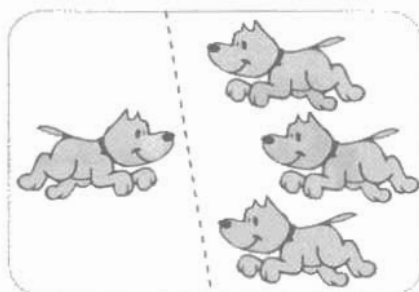
$1 + 4 \dots 4 + 1$

4. Viết phép tính thích hợp :

a)

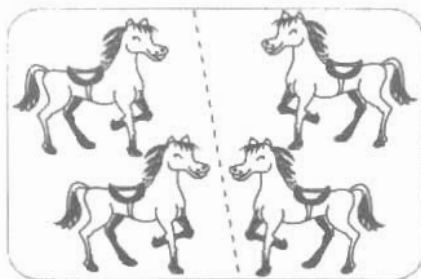


|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

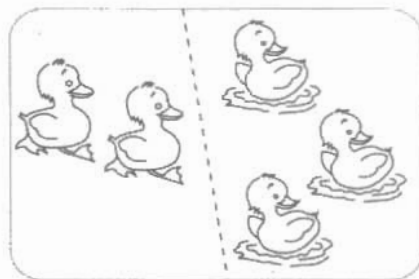


|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

# Bài 34 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 3

1. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $1 + 2 = \dots$ | $3 - 1 = \dots$ | $1 + 1 = \dots$ | $2 - 1 = \dots$ |
| $3 - 2 = \dots$ | $3 - 2 = \dots$ | $2 - 1 = \dots$ | $3 - 1 = \dots$ |
| $3 - 1 = \dots$ | $2 - 1 = \dots$ | $3 - 1 = \dots$ | $3 - 2 = \dots$ |

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

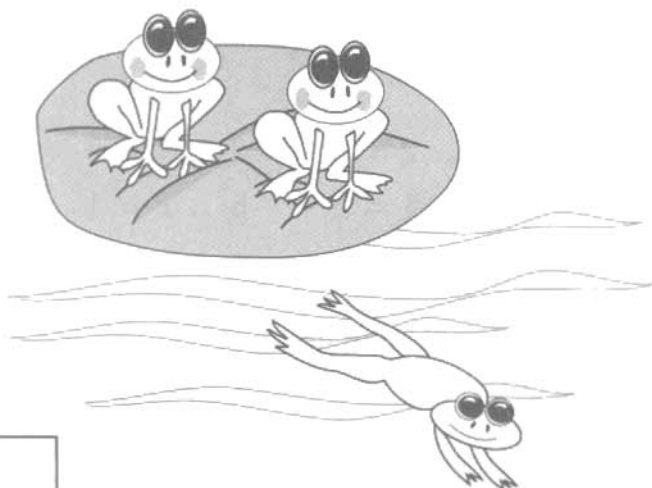
|                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |                                                         |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} - 2 \\ 1 \\ \hline \dots \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 2 \\ \dots \\ \hline 1 \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 3 \\ 2 \\ \hline \dots \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 3 \\ 1 \\ \hline \dots \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 3 \\ \dots \\ \hline 2 \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 3 \\ \dots \\ \hline 1 \end{array}$ |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|

3. Nối phép tính với số thích hợp :

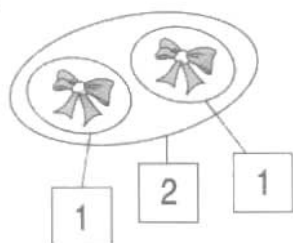
|         |         |         |
|---------|---------|---------|
| $3 - 2$ | $2 - 1$ | $3 - 1$ |
| ①       | ②       | ③       |

4. Viết phép tính thích hợp :

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

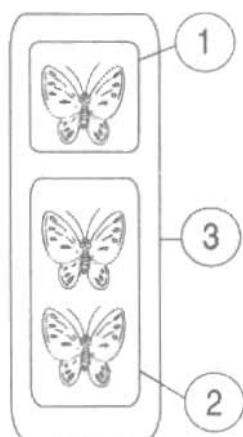


1. Số ?



$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$



$$\square + \square = \square$$

$$\square + \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

$$\square - \square = \square$$

2. Tính :
- |                 |                 |                 |                     |
|-----------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| $1 + 2 = \dots$ | $1 + 1 = \dots$ | $1 + 2 = \dots$ | $1 + 1 + 1 = \dots$ |
| $3 - 1 = \dots$ | $2 - 1 = \dots$ | $1 + 3 = \dots$ | $3 - 1 - 1 = \dots$ |
| $3 - 2 = \dots$ | $2 + 1 = \dots$ | $1 + 4 = \dots$ | $3 - 1 + 1 = \dots$ |

3. Viết số thích hợp vào ô trống :

$$\textcircled{3} \xrightarrow{-2} \square$$

$$\textcircled{3} \xrightarrow{-1} \square$$

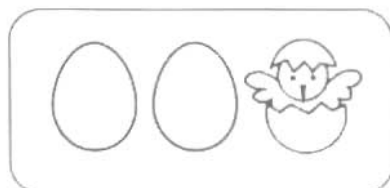
$$\textcircled{2} \xrightarrow{+1} \square$$

$$\textcircled{2} \xrightarrow{-1} \square$$

4.  $\pm$  ?
- |                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $1 \dots 2 = 3$ | $2 \dots 1 = 3$ | $1 \dots 1 = 2$ | $1 \dots 4 = 5$ |
| $3 \dots 1 = 2$ | $3 \dots 2 = 1$ | $2 \dots 1 = 1$ | $2 \dots 2 = 4$ |

5. Viết phép tính thích hợp :

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



# Bài 36 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 4

## 1. Tính :

$3 + 1 = \dots$

$4 - 2 = \dots$

$4 - 1 = \dots$

$1 + 2 = \dots$

$4 - 3 = \dots$

$3 - 2 = \dots$

$3 - 1 = \dots$

$3 - 1 = \dots$

$4 - 1 = \dots$

$4 - 3 = \dots$

$2 - 1 = \dots$

$3 - 2 = \dots$

## 2. Tính :

$$\begin{array}{r} 3 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 3 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 2 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

...

## 3.



?

$4 - 1 \dots 2$

$4 - 2 \dots 2$

$3 - 1 \dots 2$

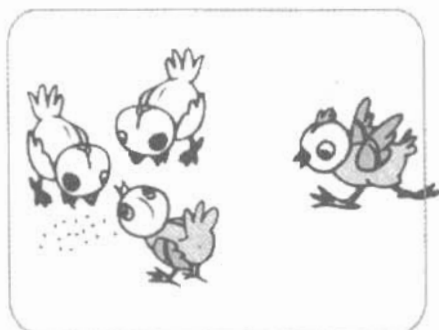
$4 - 3 \dots 4 - 2$

$4 - 1 \dots 3 + 1$

$3 - 1 \dots 3 - 2$

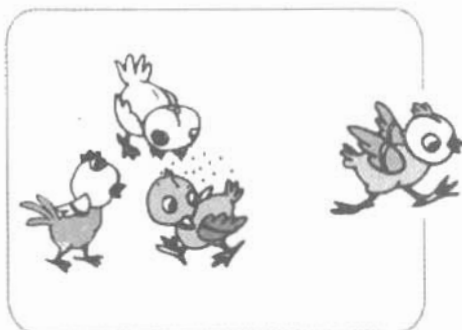
## 4. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

1. Tính :

a) 
$$\begin{array}{r} 4 \\ -1 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 4 \\ -2 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 4 \\ -3 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 3 \\ -2 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 3 \\ -1 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 2 \\ -1 \\ \hline \end{array}$$

b)  $4 - 2 - 1 = \dots$   $4 - 1 - 1 = \dots$   $4 - 1 - 2 = \dots$

2. Viết số thích hợp vào ô trống :

$4 \xrightarrow{-2} \square$

$4 \xrightarrow{-3} \square$

$3 \xrightarrow{-1} \square$

$3 \xrightarrow{-2} \square$

$2 \xrightarrow{+3} \square$

$4 \xrightarrow{-1} \square$

$3 \xrightarrow{+2} \square$

$2 \xrightarrow{-1} \square$

3.



$2 \dots 4 - 1$

$3 \dots 4 - 1$

$4 \dots 4 - 1$

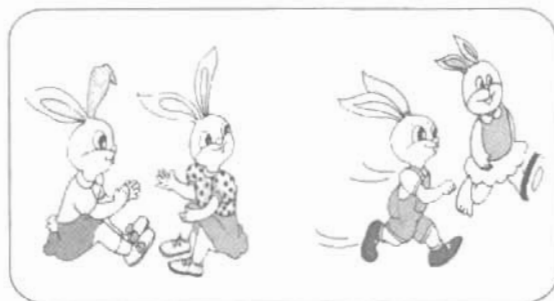
$3 - 2 \dots 3 - 1$

$4 - 1 \dots 4 - 2$

$4 - 1 \dots 3 + 0$

4. Viết phép tính thích hợp :

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



5. Đúng ghi đ, sai ghi s :

$4 - 1 = 3$  ☐

$4 + 1 = 5$  ☐

$4 - 1 = 2$  ☐

$4 - 3 = 2$  ☐

# Bài 38 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 5

## 1. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $5 - 1 = \dots$ | $4 - 1 = \dots$ | $3 - 1 = \dots$ | $2 + 3 = \dots$ |
| $5 - 2 = \dots$ | $4 - 2 = \dots$ | $3 - 2 = \dots$ | $3 + 2 = \dots$ |
| $5 - 3 = \dots$ | $4 - 3 = \dots$ | $2 - 1 = \dots$ | $5 - 2 = \dots$ |
| $5 - 4 = \dots$ |                 |                 | $5 - 3 = \dots$ |

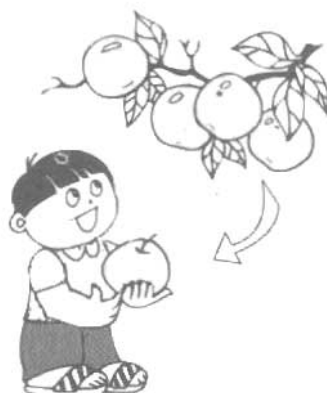
## 2. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $2 - 1 = \dots$ | $3 - 2 = \dots$ | $4 - 3 = \dots$ | $5 - 4 = \dots$ |
| $3 - 1 = \dots$ | $4 - 2 = \dots$ | $5 - 3 = \dots$ |                 |
| $4 - 1 = \dots$ | $5 - 2 = \dots$ |                 |                 |
| $5 - 1 = \dots$ |                 |                 |                 |

## 3. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 5 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

## 4. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

## 5.

|     |
|-----|
| $>$ |
| $<$ |
| $=$ |

?

$4 - 1 \dots 5 - 1$

$5 - 2 \dots 4 + 1$

$5 - 3 \dots 4 - 2$

$4 + 0 \dots 5 - 4$

1. Tính :

$$\begin{array}{r} 5 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 5 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 3 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

...

2. Tính :

$$5 - 2 - 1 = \dots$$

$$5 - 2 - 2 = \dots$$

$$4 - 2 - 1 = \dots$$

$$5 - 1 - 2 = \dots$$

$$3 - 1 - 1 = \dots$$

$$5 - 1 - 1 = \dots$$

3.



?

$$5 - 2 \dots 4$$

$$5 - 2 \dots 3$$

$$5 - 2 \dots 2$$

$$5 - 4 \dots 2$$

$$5 - 3 \dots 1$$

$$5 - 1 \dots 4$$

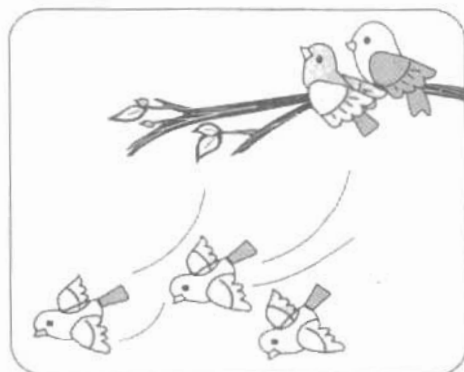
$$4 + 1 \dots 5$$

$$5 - 1 \dots 5$$

$$5 - 4 \dots 0$$

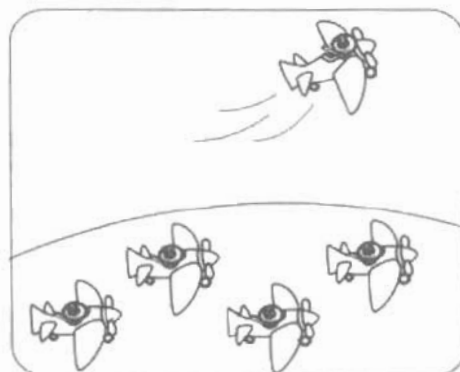
4. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5. Số ?

$$3 + \square = 5 - 2$$

# Bài 40 SỐ 0 TRONG PHÉP TRỪ

1. Tính :

|                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $5 - 1 = \dots$ | $1 - 1 = \dots$ | $1 - 0 = \dots$ |
| $5 - 2 = \dots$ | $2 - 2 = \dots$ | $2 - 0 = \dots$ |
| $5 - 3 = \dots$ | $3 - 3 = \dots$ | $3 - 0 = \dots$ |
| $5 - 4 = \dots$ | $4 - 4 = \dots$ | $4 - 0 = \dots$ |
| $5 - 5 = \dots$ | $5 - 5 = \dots$ | $5 - 0 = \dots$ |

2. Tính :

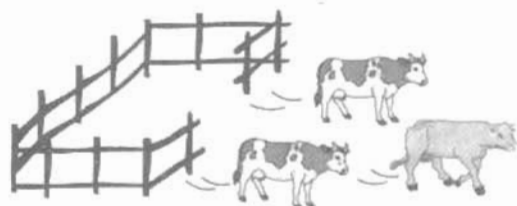
|                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $0 + 2 = \dots$ | $0 + 3 = \dots$ | $0 + 4 = \dots$ |
| $2 + 0 = \dots$ | $3 + 0 = \dots$ | $4 + 0 = \dots$ |
| $2 - 2 = \dots$ | $3 - 3 = \dots$ | $4 - 4 = \dots$ |
| $2 - 0 = \dots$ | $3 - 0 = \dots$ | $4 - 0 = \dots$ |

3. Số ?

|                   |                   |                         |
|-------------------|-------------------|-------------------------|
| $5 - 5 = \square$ | $4 - 4 = \square$ | $3 + 0 = \square$       |
| $5 - \square = 5$ | $\square - 0 = 4$ | $3 - 0 = \square$       |
| $5 + \square = 5$ | $4 + \square = 4$ | $\square + \square = 0$ |

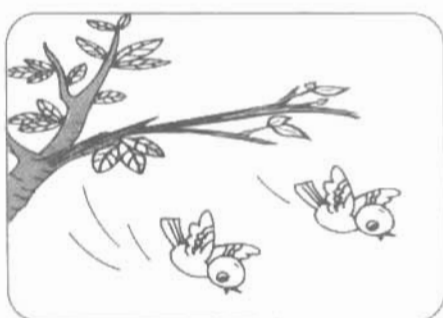
4. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

1. Tính :  $5 - 0 = \dots$        $4 - 1 = \dots$        $3 - 3 = \dots$        $2 - 0 = \dots$   
 $5 - 5 = \dots$        $4 - 4 = \dots$        $3 - 2 = \dots$        $2 + 0 = \dots$

2. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

3. Tính :  $2 - 1 - 0 = \dots$        $3 - 1 - 2 = \dots$        $5 - 2 - 0 = \dots$   
 $4 - 1 - 3 = \dots$        $4 - 0 - 2 = \dots$        $4 - 2 - 2 = \dots$

4.

|                                                                               |                 |                 |                 |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $\begin{array}{ c } \hline > \\ \hline < \\ \hline = \\ \hline \end{array}$ ? | $5 - 3 \dots 2$ | $3 - 3 \dots 1$ | $4 - 4 \dots 0$ |
|                                                                               | $5 - 4 \dots 2$ | $3 - 0 \dots 1$ | $4 - 1 \dots 0$ |
|                                                                               | $5 - 1 \dots 2$ | $3 - 2 \dots 1$ | $4 - 3 \dots 0$ |

5. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

1. Tính :

|    |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| a) | $\begin{array}{r} 3 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ |
|    | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |
| b) | $\begin{array}{r} 5 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 0 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ |
|    | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

2. Tính :

|                 |                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $5 + 0 = \dots$ | $2 + 3 = \dots$ | $4 + 1 = \dots$ | $1 + 3 = \dots$ | $2 + 1 = \dots$ |
| $0 + 5 = \dots$ | $3 + 2 = \dots$ | $1 + 4 = \dots$ | $3 + 1 = \dots$ | $1 + 2 = \dots$ |

3. Tính :

|                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $3 + 1 + 1 = \dots$ | $2 + 2 + 0 = \dots$ | $3 - 2 - 1 = \dots$ |
| $5 - 2 - 2 = \dots$ | $4 - 1 - 2 = \dots$ | $5 - 3 - 2 = \dots$ |

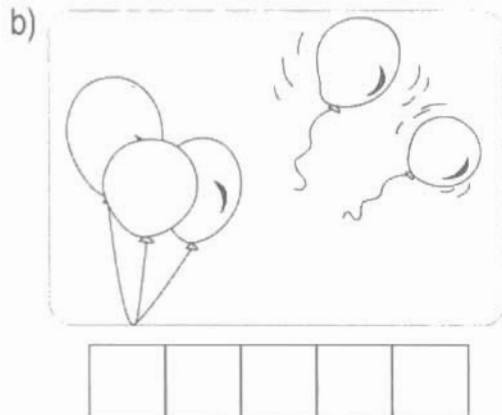
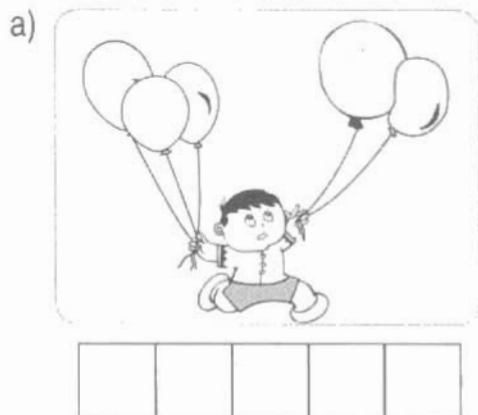
4.



?

|                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $4 + 1 \dots 4$ | $5 - 1 \dots 5$ | $3 + 0 \dots 3$ |
| $4 + 1 \dots 5$ | $5 - 0 \dots 5$ | $3 + 1 \dots 4$ |
| $4 - 1 \dots 4$ | $4 + 1 \dots 4$ | $3 + 1 \dots 5$ |

5. Viết phép tính thích hợp :



1. Tính :

$$\begin{array}{cccccc} 4 + 0 = \dots & 5 - 3 = \dots & 5 + 0 = \dots & 3 - 3 = \dots & 2 - 2 = \dots \\ 1 + 4 = \dots & 5 - 2 = \dots & 4 - 2 = \dots & 4 - 0 = \dots & 3 - 1 = \dots \end{array}$$

2. Tính :

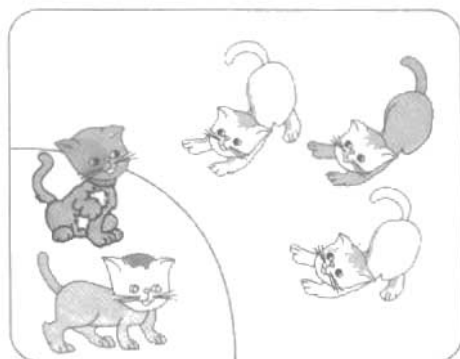
$$\begin{array}{ccc} 2 + 1 + 1 = \dots & 3 + 2 + 0 = \dots & 4 - 2 - 1 = \dots \\ 5 - 2 - 2 = \dots & 4 - 0 - 2 = \dots & 5 - 3 - 2 = \dots \end{array}$$

3. Số ?

$$\begin{array}{cccc} 2 + \square = 5 & 4 - \square = 2 & 3 - \square = 0 & 5 = \square + 1 \\ 5 - \square = 3 & 2 + \square = 4 & \square + 3 = 3 & 5 = 1 + \square \end{array}$$

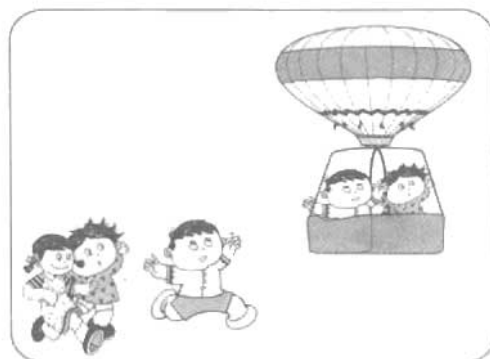
4. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5. Số ?

$$\square + \square = 5 - 0$$

# Bài 44 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 0 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

2. Tính :

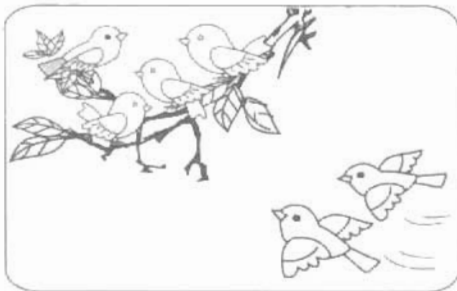
|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $5 + 1 = \dots$ | $4 + 2 = \dots$ | $3 + 3 = \dots$ | $6 + 0 = \dots$ |
| $1 + 5 = \dots$ | $2 + 4 = \dots$ | $2 + 2 = \dots$ | $0 + 6 = \dots$ |

3. Tính :

|                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $1 + 4 + 1 = \dots$ | $0 + 5 + 1 = \dots$ | $2 + 2 + 2 = \dots$ |
| $1 + 3 + 2 = \dots$ | $2 + 4 + 0 = \dots$ | $3 + 3 + 0 = \dots$ |

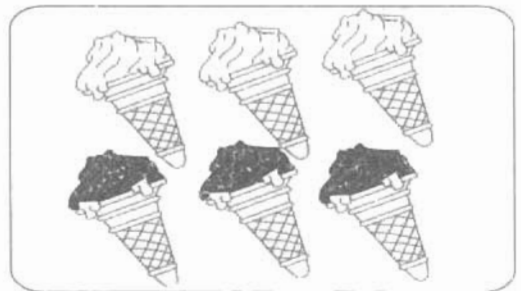
4. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)

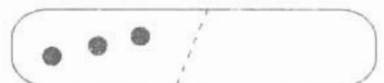


|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5. Vẽ thêm số chấm tròn thích hợp :



|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 4 | + | 2 | = | 6 |
|---|---|---|---|---|



|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 3 | + | 3 | = | 6 |
|---|---|---|---|---|

# Bài 45 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 6

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 6 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

|                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $5 + 1 = \dots$ | $4 + 2 = \dots$ | $3 + 3 = \dots$ |
| $1 + \dots = 6$ | $\dots + 4 = 6$ | $\dots + 3 = 6$ |
| $6 - 5 = \dots$ | $6 - 2 = \dots$ | $6 - 3 = \dots$ |
| $6 - 1 = \dots$ | $6 - 4 = \dots$ | $6 - \dots = 3$ |

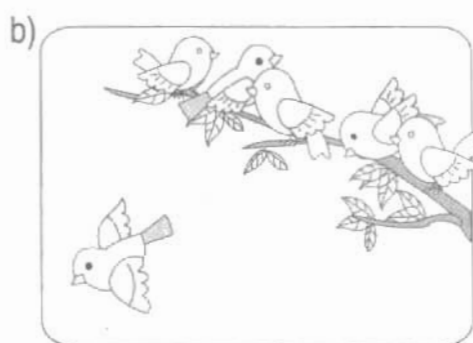
3. Tính :

|                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $6 - 5 - 1 = \dots$ | $6 - 4 - 2 = \dots$ | $6 - 3 - 3 = \dots$ |
| $6 - 1 - 5 = \dots$ | $6 - 2 - 4 = \dots$ | $6 - 6 = \dots$     |

4. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5.

|   |
|---|
| > |
| < |
| = |

?

$6 - 5 \dots 6$

$6 - 4 \dots 1$

$5 - 2 \dots 3$

$6 - 1 \dots 4 + 1$

$5 - 3 \dots 5 - 2$

$6 - 3 \dots 6 - 2$

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |
| $\begin{array}{r} 6 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 0 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

2. Tính :

|                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $6 - 3 - 1 = \dots$ | $1 + 3 + 2 = \dots$ | $6 - 1 - 2 = \dots$ |
| $6 - 3 - 2 = \dots$ | $3 + 1 + 2 = \dots$ | $6 - 1 - 3 = \dots$ |

3.

|                                                                                                                                                   |                 |                 |                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; display: inline-block;"> <math>&gt;</math><br/> <math>&lt;</math><br/> <math>=</math> </div> ? | $2 + 3 \dots 6$ | $3 + 3 \dots 5$ | $6 - 0 \dots 4$ |
|                                                                                                                                                   | $2 + 4 \dots 6$ | $3 + 2 \dots 5$ | $6 - 2 \dots 4$ |

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

|                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|
| $\dots + 2 = 6$ | $3 + \dots = 6$ | $5 + \dots = 6$ |
| $\dots + 5 = 6$ | $3 + \dots = 4$ | $6 + \dots = 6$ |

5. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

# Bài 47 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7

1. Tính :

|     |
|-----|
| 6   |
| + 1 |
| —   |
| ... |

|     |
|-----|
| 5   |
| + 2 |
| —   |
| ... |

|     |
|-----|
| 4   |
| + 3 |
| —   |
| ... |

|     |
|-----|
| 3   |
| + 4 |
| —   |
| ... |

|     |
|-----|
| 2   |
| + 5 |
| —   |
| ... |

|     |
|-----|
| 1   |
| + 6 |
| —   |
| ... |

2. Tính :

|             |
|-------------|
| 0 + 7 = ... |
| 7 + 0 = ... |

|             |
|-------------|
| 1 + 6 = ... |
| 6 + 1 = ... |

|             |
|-------------|
| 2 + 5 = ... |
| 5 + 2 = ... |

|             |
|-------------|
| 3 + 4 = ... |
| 4 + 3 = ... |

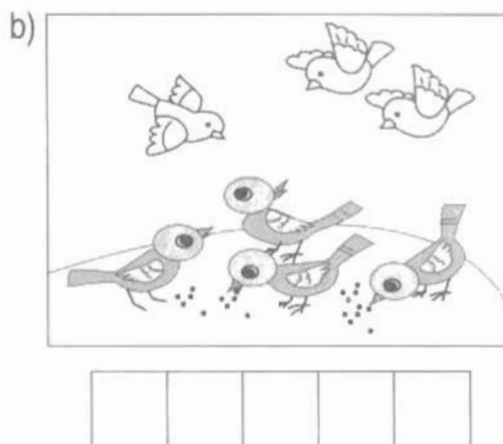
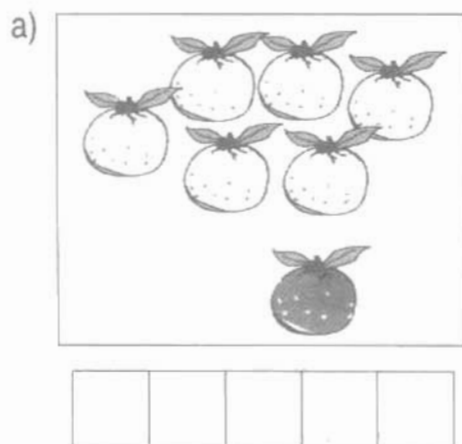
3. Tính :

|                 |
|-----------------|
| 1 + 5 + 1 = ... |
| 2 + 3 + 2 = ... |

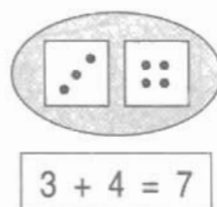
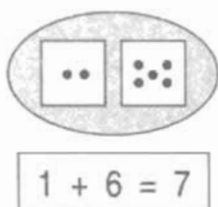
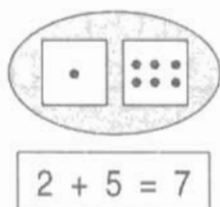
|                 |
|-----------------|
| 1 + 4 + 2 = ... |
| 2 + 2 + 3 = ... |

|                 |
|-----------------|
| 3 + 2 + 2 = ... |
| 5 + 0 + 2 = ... |

## 4. Viết phép tính thích hợp :



## 5. Nối hình với phép tính thích hợp :



# Bài 48 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7

## 1. Số ?



|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 7 | - | 1 | = | 6 |
|---|---|---|---|---|



|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | - |  | = |  |
|--|---|--|---|--|



|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | - |  | = |  |
|--|---|--|---|--|



|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | - |  | = |  |
|--|---|--|---|--|



|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | - |  | = |  |
|--|---|--|---|--|



|  |   |  |   |  |
|--|---|--|---|--|
|  | - |  | = |  |
|--|---|--|---|--|

2. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 7 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

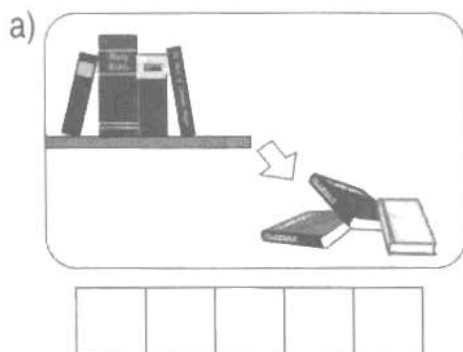
3. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $7 - 4 = \dots$ | $7 - 3 = \dots$ | $7 - 2 = \dots$ | $7 - 6 = \dots$ |
| $7 - 1 = \dots$ | $7 - 0 = \dots$ | $7 - 5 = \dots$ | $7 - 7 = \dots$ |

4. Tính :

|                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $7 - 4 - 2 = \dots$ | $7 - 3 - 1 = \dots$ | $7 - 4 - 1 = \dots$ |
| $7 - 5 - 1 = \dots$ | $7 - 1 - 3 = \dots$ | $7 - 2 - 4 = \dots$ |

## 5. Viết phép tính thích hợp :



1. Tính :

$$\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

...

...

...

...

...

...

$$\begin{array}{r} 4 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

...

...

...

...

...

...

2. Tính :

$$4 + 3 = \dots$$

$$5 + 2 = \dots$$

$$6 + 1 = \dots$$

$$3 + 4 = \dots$$

$$2 + 5 = \dots$$

$$1 + 6 = \dots$$

$$7 - 4 = \dots$$

$$7 - 5 = \dots$$

$$7 - 6 = \dots$$

$$7 - 3 = \dots$$

$$7 - 2 = \dots$$

$$7 - 1 = \dots$$

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a)  $2 + \dots = 7$

$\dots + 1 = 7$

$7 - \dots = 1$

$6 + \dots = 7$

$7 - \dots = 4$

$1 + \dots = 5$

$7 - \dots = 2$

$6 + \dots = 6$

b)  $\dots + 3 = 7$

$5 + \dots = 7$

$\dots - 3 = 2$

$\dots - 6 = 1$

$\dots - 2 = 5$

$\dots - 1 = 6$

$\dots - 3 = 4$

$\dots - 0 = 7$

4.



?

$3 + 4 \dots 6$

$6 + 1 \dots 6$

$6 + 1 \dots 6$

$3 + 4 \dots 7$

$5 + 2 \dots 6$

$7 - 5 \dots 3$

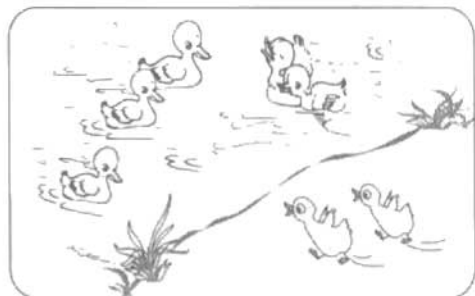
$7 - 4 \dots 4$

$7 - 2 \dots 5$

$7 - 6 \dots 1$

5. Viết phép tính thích hợp :

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



# Bài 50 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 1 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

2. Tính :

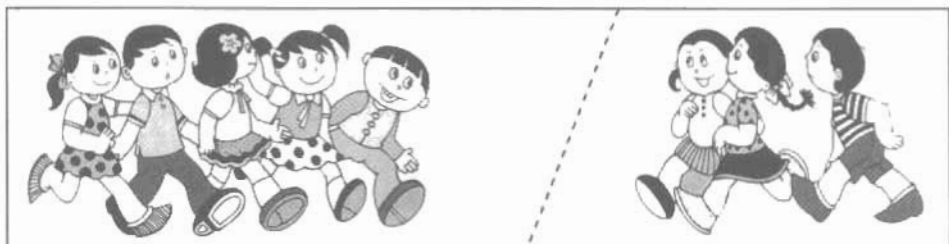
|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $1 + 7 = \dots$ | $2 + 6 = \dots$ | $3 + 5 = \dots$ | $4 + 4 = \dots$ |
| $7 + 1 = \dots$ | $6 + 2 = \dots$ | $5 + 3 = \dots$ | $8 + 0 = \dots$ |
| $7 - 1 = \dots$ | $6 - 2 = \dots$ | $5 - 3 = \dots$ | $0 + 4 = \dots$ |

3. Tính :

|                     |                     |
|---------------------|---------------------|
| $1 + 3 + 4 = \dots$ | $4 + 1 + 1 = \dots$ |
| $1 + 2 + 5 = \dots$ | $3 + 2 + 2 = \dots$ |
| $2 + 3 + 3 = \dots$ | $2 + 2 + 4 = \dots$ |

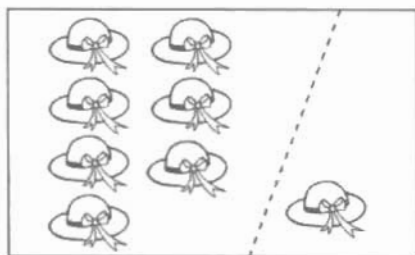
4. Viết phép tính thích hợp :

a)

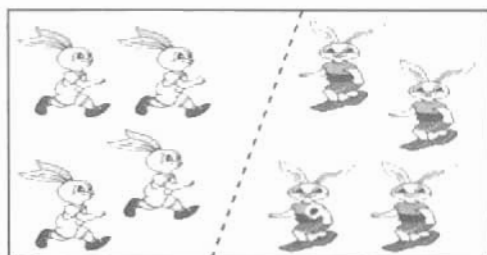


|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

# Bài 51 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 8

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 8 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

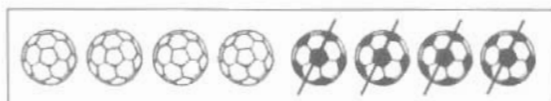
2. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $7 + 1 = \dots$ | $6 + 2 = \dots$ | $5 + 3 = \dots$ | $4 + 4 = \dots$ |
| $8 - 1 = \dots$ | $8 - 2 = \dots$ | $8 - 3 = \dots$ | $8 - 4 = \dots$ |
| $8 - 7 = \dots$ | $8 - 6 = \dots$ | $8 - 5 = \dots$ | $8 - 8 = \dots$ |

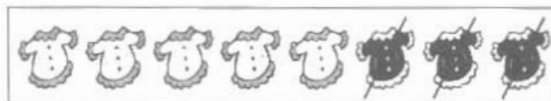
3. Tính :

|                     |                     |                     |                 |
|---------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| $8 - 3 = \dots$     | $8 - 5 = \dots$     | $8 - 6 = \dots$     | $8 - 8 = \dots$ |
| $8 - 1 - 2 = \dots$ | $8 - 2 - 3 = \dots$ | $8 - 5 - 1 = \dots$ | $8 - 0 = \dots$ |
| $8 - 2 - 1 = \dots$ | $8 - 3 - 2 = \dots$ | $8 - 1 - 5 = \dots$ | $8 + 0 = \dots$ |

4. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



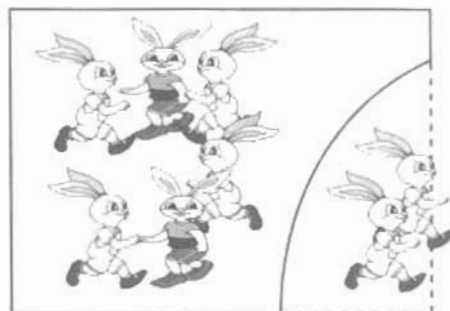
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5. Viết phép tính thích hợp :

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



1. Tính :

$$\begin{array}{r} + 3 \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 6 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 6 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 7 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 7 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} + 4 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

...

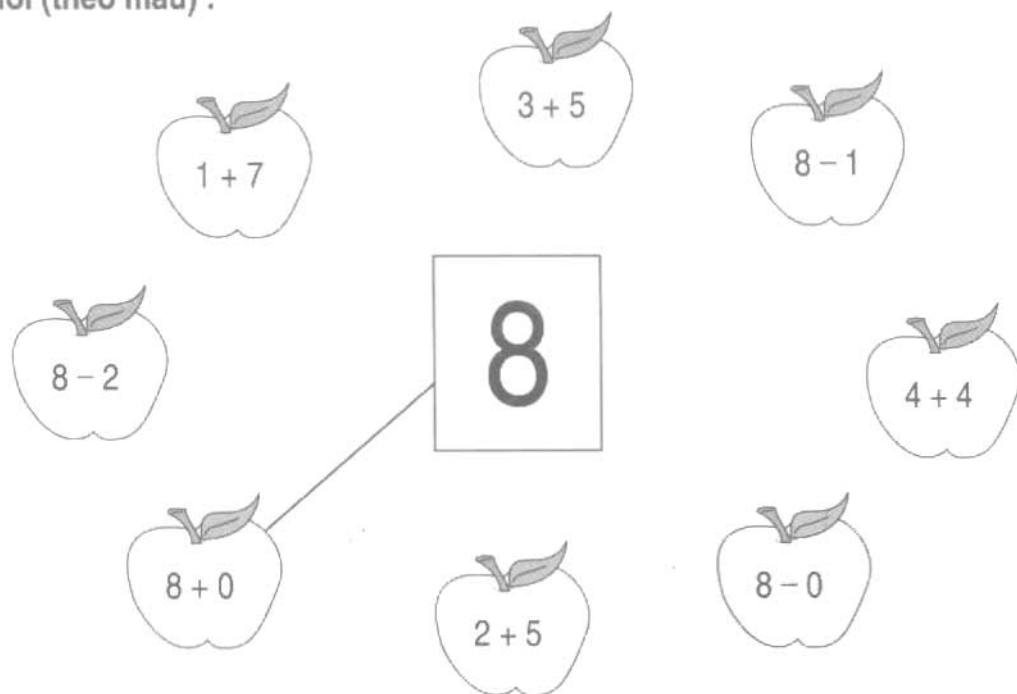
$$\begin{array}{r} - 8 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

...

$$\begin{array}{r} - 8 \\ 8 \\ \hline \end{array}$$

...

2. Nối (theo mẫu) :



3. Tính :

$$8 - 4 - 2 = \dots$$

$$8 - 6 + 3 = \dots$$

$$4 + 3 + 1 = \dots$$

$$5 + 1 + 2 = \dots$$

$$2 + 6 - 5 = \dots$$

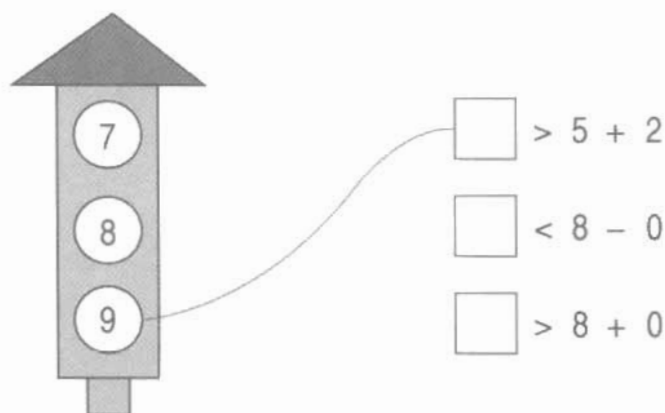
$$7 - 3 + 4 = \dots$$

$$8 + 0 - 5 = \dots$$

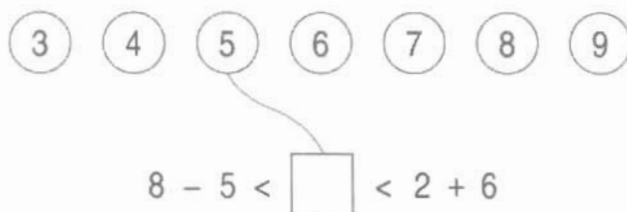
$$3 + 3 - 4 = \dots$$

#### 4. Nối (theo mẫu) :

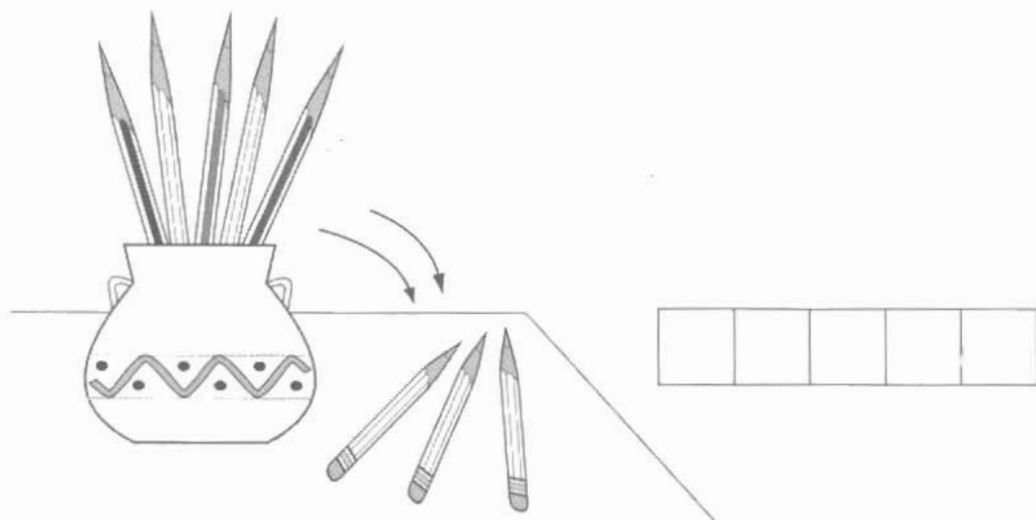
a)



b)



#### 5. Viết phép tính thích hợp :



## Bài 53 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 9

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} + 1 \\ 8 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 2 \\ 7 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 3 \\ 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 4 \\ 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 5 \\ 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 6 \\ 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 7 \\ 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 8 \\ 1 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

2. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $4 + 5 = \dots$ | $2 + 7 = \dots$ | $8 + 1 = \dots$ | $3 + 6 = \dots$ |
| $4 + 4 = \dots$ | $0 + 9 = \dots$ | $5 + 2 = \dots$ | $1 + 7 = \dots$ |
| $7 - 4 = \dots$ | $8 - 5 = \dots$ | $6 - 1 = \dots$ | $0 + 8 = \dots$ |

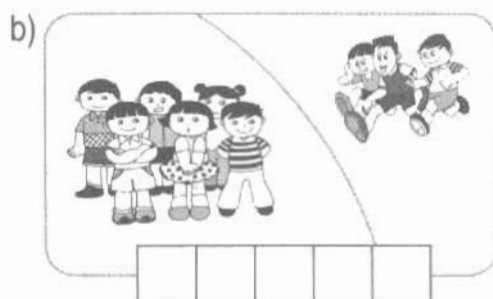
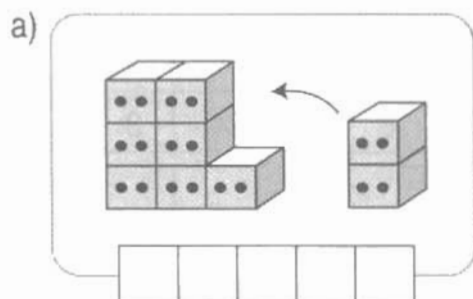
3. Tính :

|                     |                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| $5 + 4 = \dots$     | $6 + 3 = \dots$     | $7 + 2 = \dots$     | $1 + 8 = \dots$     |
| $5 + 3 + 1 = \dots$ | $6 + 2 + 1 = \dots$ | $7 + 1 + 1 = \dots$ | $1 + 2 + 6 = \dots$ |
| $5 + 2 + 2 = \dots$ | $6 + 3 + 0 = \dots$ | $7 + 0 + 2 = \dots$ | $1 + 5 + 3 = \dots$ |

4. Nối (theo mẫu) :



5. Viết phép tính thích hợp :



# Bài 54 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 9

1. Tính :

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 9 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

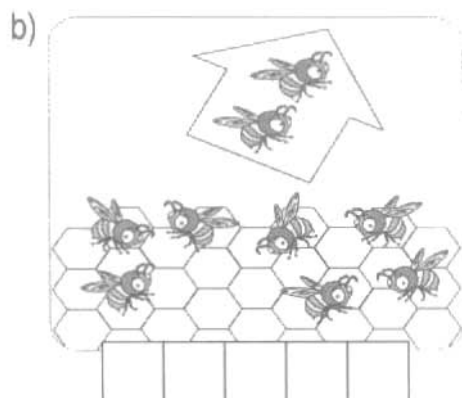
2. Tính :

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $8 + 1 = \dots$ | $7 + 2 = \dots$ | $6 + 3 = \dots$ | $5 + 4 = \dots$ |
| $9 - 1 = \dots$ | $9 - 2 = \dots$ | $9 - 3 = \dots$ | $9 - 4 = \dots$ |
| $9 - 8 = \dots$ | $9 - 7 = \dots$ | $9 - 6 = \dots$ | $9 - 5 = \dots$ |

3. Tính :

|                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| $9 - 3 - 2 = \dots$ | $9 - 4 - 5 = \dots$ | $9 - 6 - 2 = \dots$ |
| $9 - 4 - 1 = \dots$ | $9 - 8 - 0 = \dots$ | $9 - 2 - 7 = \dots$ |

4. Viết phép tính thích hợp :



5. Số ?

|   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 5 |   | 3 |   | 5 |   |
|   | 4 | 6 |   | 1 |   | 2 |

|   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 8 | 7 | 6 | 5 | 4 | 3 |
| 6 |   |   |   |   |   |   |
| 9 |   |   |   |   |   |   |

1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm :

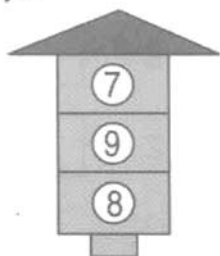
a)  $1 + 8 = \dots$        $2 + 7 = \dots$        $3 + 6 = \dots$        $4 + 5 = \dots$   
 $8 + 1 = \dots$        $7 + 2 = \dots$        $6 + 3 = \dots$        $5 + 4 = \dots$   
 $9 - 8 = \dots$        $9 - 7 = \dots$        $9 - 6 = \dots$        $9 - 5 = \dots$   
 $9 - 1 = \dots$        $9 - 2 = \dots$        $9 - 3 = \dots$        $9 - 4 = \dots$

b) 
$$\begin{array}{r} 7 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} 8 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} 9 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} 7 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$
      
$$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$
  
 $\dots$        $\dots$        $\dots$        $\dots$        $\dots$        $\dots$

c)  $3 + \dots = 9$        $9 - \dots = 2$        $4 + \dots = 7$        $8 - \dots = 2$   
 $6 + \dots = 9$        $9 - \dots = 7$        $5 + \dots = 8$        $6 - \dots = 6$

2. Nối phép tính với số thích hợp :

$7 + 2$   
 $9 - 0$   
 $9 - 1$



$9 - 2$   
 $8 + 1$   
 $3 + 5$

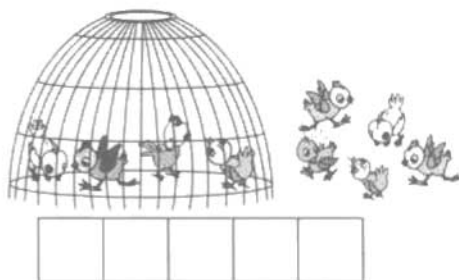
3.



?

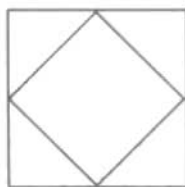
$6 + 3$   9       $3 + 6$   5 + 3       $4 + 5$   5 + 4  
 $9 - 2$   6       $9 - 0$   8 + 1       $9 - 6$   8 - 6

4. Viết phép tính thích hợp :



5. Hình bên có :

- ... hình vuông.
- ... hình tam giác.



# Bài 56 PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10

## 1. Tính :

a)

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                    |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} + 1 \\ 9 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 2 \\ 8 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 3 \\ 7 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 4 \\ 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 5 \\ 5 \\ \hline \end{array}$  |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                                |
| $\begin{array}{r} + 6 \\ 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 7 \\ 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 8 \\ 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 9 \\ 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 10 \\ 0 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                                |

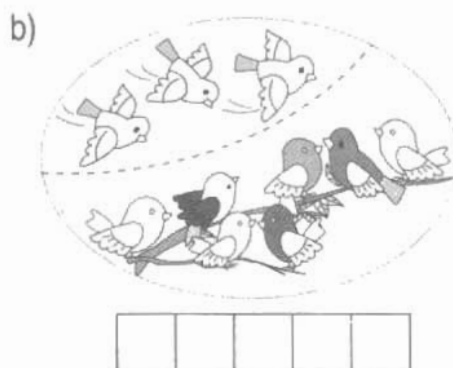
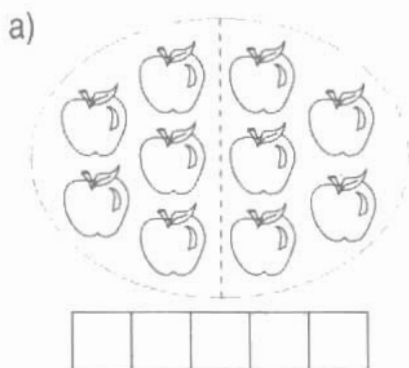
b)

|                 |                 |                 |                 |
|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| $4 + 6 = \dots$ | $2 + 8 = \dots$ | $3 + 7 = \dots$ | $1 + 9 = \dots$ |
| $6 + 4 = \dots$ | $8 + 2 = \dots$ | $7 + 3 = \dots$ | $9 + 1 = \dots$ |
| $6 - 4 = \dots$ | $8 - 2 = \dots$ | $7 - 3 = \dots$ | $9 - 1 = \dots$ |

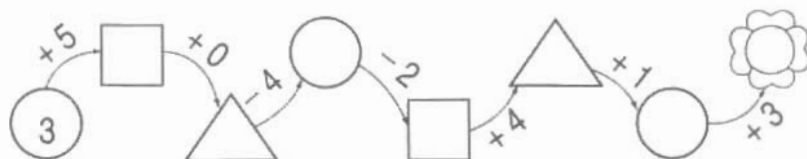
## 2. Số ?

|                    |                   |                    |                       |
|--------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|
| $\square + 3 = 10$ | $4 + \square = 9$ | $\square + 5 = 10$ | $10 + \square = 10$   |
| $8 - \square = 1$  | $9 - \square = 2$ | $\square + 1 = 10$ | $3 + \square = 7 + 3$ |

## 3. Viết phép tính thích hợp :



## 4. Số ?



1. Tính :

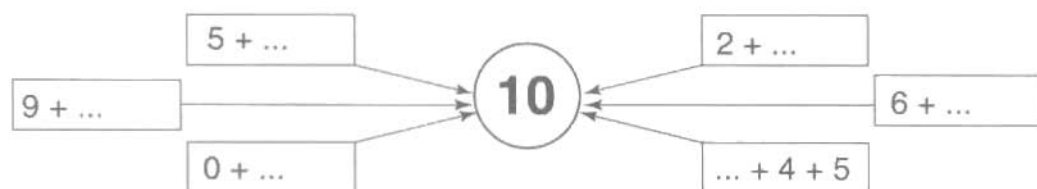
|    |                 |                 |                 |                 |
|----|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| a) | $9 + 1 = \dots$ | $8 + 2 = \dots$ | $7 + 3 = \dots$ | $6 + 4 = \dots$ |
|    | $1 + 9 = \dots$ | $2 + 8 = \dots$ | $3 + 7 = \dots$ | $4 + 6 = \dots$ |
|    | $9 - 1 = \dots$ | $8 - 2 = \dots$ | $7 - 3 = \dots$ | $6 - 4 = \dots$ |
|    | $9 - 9 = \dots$ | $8 - 8 = \dots$ | $7 - 7 = \dots$ | $6 - 6 = \dots$ |

|    |                                                   |                                                   |                                                    |                                                   |                                                   |                                                   |
|----|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| b) | $\begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 10 \\ + 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 8 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 4 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ |
|    | ...                                               | ...                                               | ...                                                | ...                                               | ...                                               | ...                                               |

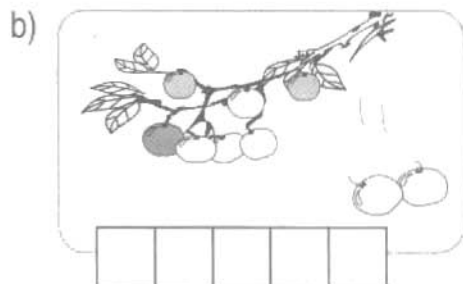
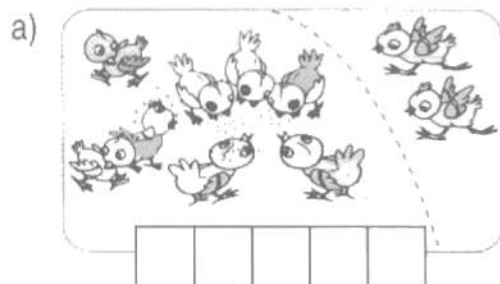
2. Số ?

|                    |                    |                   |                   |
|--------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| $5 + \square = 10$ | $\square - 2 = 6$  | $6 - \square = 4$ | $2 + \square = 9$ |
| $8 - \square = 1$  | $\square + 0 = 10$ | $9 - \square = 8$ | $4 + \square = 7$ |

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :



4. Viết phép tính thích hợp :



5. Tính :

$4 + 1 + 5 = \dots$     $7 + 2 - 4 = \dots$     $8 - 3 + 3 = \dots$     $9 + 0 - 1 = \dots$

# Bài 58 PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

## 1. Tính :

a) 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

b) ...

$9 + 1 = \dots$   $8 + 2 = \dots$   $7 + 3 = \dots$   $6 + 4 = \dots$   $5 + 5 = \dots$

$1 + 9 = \dots$   $2 + 8 = \dots$   $3 + 7 = \dots$   $4 + 6 = \dots$   $10 - 5 = \dots$

$10 - 1 = \dots$   $10 - 2 = \dots$   $10 - 3 = \dots$   $10 - 4 = \dots$   $10 - 0 = \dots$

$10 - 9 = \dots$   $10 - 8 = \dots$   $10 - 7 = \dots$   $10 - 6 = \dots$   $10 - 10 = \dots$

## 2. Số ?

a)

|    |   |   |   |   |   |   |   |   |   |    |
|----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| 10 | 1 | 2 |   | 4 |   | 6 |   | 8 |   | 10 |
|    | 9 |   | 7 |   | 5 |   | 3 |   | 1 |    |

b)  $\square - 3 = 5$   $10 - \square = 4$   $\square + 1 = 9$   $7 + \square = 10$

## 3.

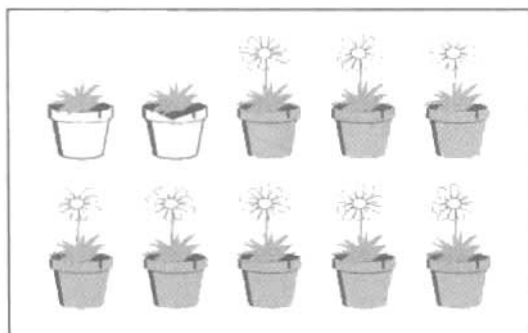
$\begin{array}{c} > \\ < \\ = \end{array}$  ?

$5 + 5 \square 10$   $10 \square 4 + 6$   $5 \square 10 - 4$

$5 + 4 \square 10$   $6 + 4 \square 4 + 5$   $6 \square 9 - 4$

## 4. Viết phép tính thích hợp :

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



1. Tính :

a)

$$\begin{array}{cccccc} 10 - 9 = \dots & 10 - 8 = \dots & 10 - 7 = \dots & 10 - 6 = \dots & 10 - 5 = \dots \\ 10 - 1 = \dots & 10 - 2 = \dots & 10 - 3 = \dots & 10 - 4 = \dots & 10 - 10 = \dots \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \dots \end{array} \quad \begin{array}{r} 10 \\ - 1 \\ \hline \dots \end{array}$$

2. Số ?

$$\begin{array}{cccc} 8 + \dots = 10 & \dots - 4 = 6 & 10 - \dots = 3 & 5 + \dots = 10 \\ 10 - \dots = 8 & 6 + \dots = 10 & 10 - \dots = 7 & \dots - 5 = 5 \\ 10 - \dots = 2 & 10 - \dots = 4 & 3 + \dots = 10 & \dots - 10 = 0 \end{array}$$

3. Viết phép tính thích hợp :



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

4.

|   |
|---|
| > |
| < |
| = |

?

$$\begin{array}{l} 3 + 7 \dots 10 \\ 3 + 4 \dots 8 \\ 10 - 4 \dots 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 10 - 1 \dots 9 + 1 \\ 8 - 3 \dots 7 - 3 \\ 5 + 5 \dots 10 - 0 \end{array}$$

## Bài 60 BẢNG CỘNG VÀ BẢNG TRỪ TRONG PHẠM VI 10

### 1. Tính :

a)  $5 + 5 = \dots$      $3 + 5 = \dots$      $7 + 2 = \dots$      $8 + 1 = \dots$      $10 - 4 = \dots$   
 $6 + 4 = \dots$      $9 - 2 = \dots$      $6 - 4 = \dots$      $9 - 1 = \dots$      $6 + 4 = \dots$

b) 
$$\begin{array}{r} 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$
    
$$\begin{array}{r} 8 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$
    
$$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$
    
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$
    
$$\begin{array}{r} 4 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$
  
 $\dots$      $\dots$      $\dots$      $\dots$      $\dots$

### 2. Số ?

| 10  | 9 | 8 | 7 | 6 | 5 |
|-----|---|---|---|---|---|
| 1 9 | 8 | 2 | 6 | 3 | 3 |
| 2   | 6 | 1 | 3 | 4 | 1 |
| 4 7 | 2 | 5 | 2 | 5 |   |
| 5   | 4 | 4 |   |   |   |

3. Tính :  $3 + 4 + 2 = \dots$      $3 + 7 - 6 = \dots$      $10 - 8 + 7 = \dots$   
 $4 + 3 + 3 = \dots$      $5 + 4 - 8 = \dots$      $9 - 6 + 5 = \dots$   
 $4 + 5 - 7 = \dots$      $3 + 5 - 6 = \dots$      $9 - 4 - 3 = \dots$

### 4. Viết phép tính thích hợp :

a)  }

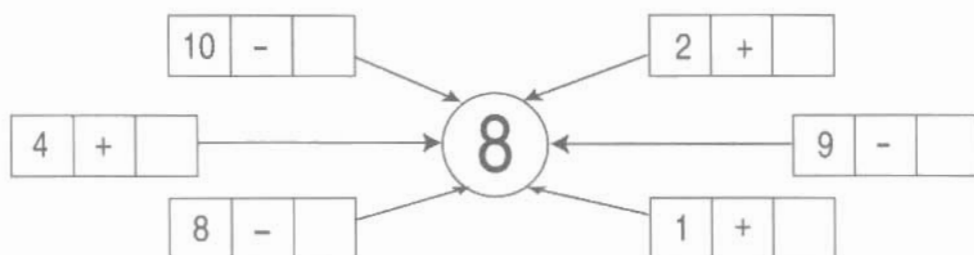
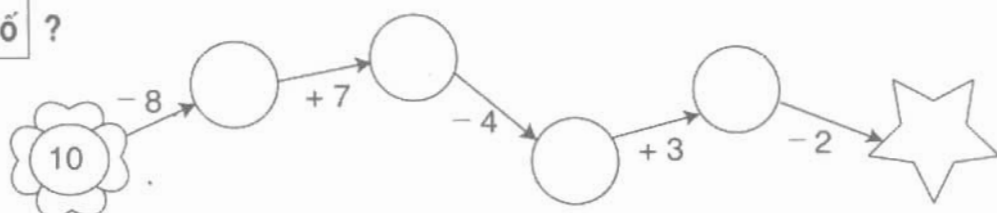
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b) Có : 10 quả bóng  
 Cho : 6 quả bóng  
 Còn : ... quả bóng ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

1. Tính :
- |                  |                  |                  |                  |
|------------------|------------------|------------------|------------------|
| $8 + 2 = \dots$  | $9 + 1 = \dots$  | $7 + 3 = \dots$  | $5 + 5 = \dots$  |
| $2 + 8 = \dots$  | $1 + 9 = \dots$  | $10 - 3 = \dots$ | $10 - 5 = \dots$ |
| $10 - 8 = \dots$ | $10 - 9 = \dots$ | $4 + 6 = \dots$  | $10 + 0 = \dots$ |
| $10 - 2 = \dots$ | $10 - 1 = \dots$ | $10 - 6 = \dots$ | $10 - 0 = \dots$ |

2. Số ?



3.  $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$  ?

- |                                  |                                  |                                  |
|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| 10 <input type="text"/> 5 + 5    | 9 <input type="text"/> 2 + 8     | 6 <input type="text"/> 6 - 1     |
| 9 <input type="text"/> 5 + 5     | 10 <input type="text"/> 7 + 1    | 5 + 2 <input type="text"/> 5 + 3 |
| 2 + 6 <input type="text"/> 3 + 2 | 4 + 4 <input type="text"/> 5 + 3 | 4 + 5 <input type="text"/> 5 + 4 |

4. Viết phép tính thích hợp :

- a) Tân có : 6 cái thuyền  
 Mỹ có : 4 cái thuyền  
 Cả hai bạn có : ... cái thuyền ?

- b) Có : 8 quả  
 Cho em : 3 quả  
 Còn : ... quả ?

# Bài 62 **LUYỆN TẬP CHUNG**

1. a) Viết các số từ 0 đến 10 :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

b) Viết các số từ 10 đến 0 :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

2. Tính :

|                                                      |                                                     |                                                     |                                                      |                                                     |                                                     |                                                     |                                                     |
|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} + 6 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$  | $\begin{array}{r} + 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 7 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 9 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 7 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 5 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                                  | ...                                                 | ...                                                 | ...                                                  | ...                                                 | ...                                                 | ...                                                 | ...                                                 |
| $\begin{array}{r} - 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 8 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 1 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$  | $\begin{array}{r} - 6 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 4 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} - 3 \\ - 0 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} + 5 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                                  | ...                                                 | ...                                                 | ...                                                  | ...                                                 | ...                                                 | ...                                                 | ...                                                 |

3. **Số** ?



4. Viết phép tính thích hợp :

a) Có : 5 con thỏ  
 Thêm : 2 con thỏ  
 Có tất cả : ... con thỏ ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b) Có : 9 bút chì  
 Bớt : 4 bút chì  
 Còn : ... bút chì ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

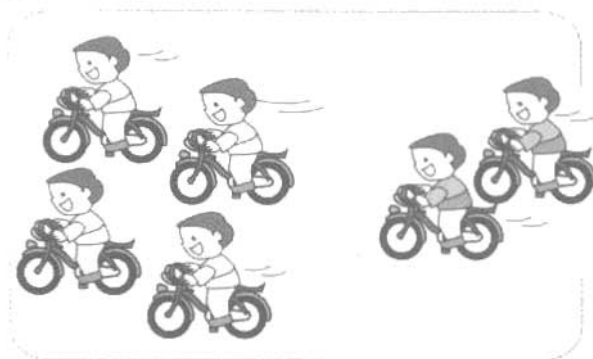
1. Số ?
- |                 |                 |                  |                   |
|-----------------|-----------------|------------------|-------------------|
| $2 = \dots + 1$ | $6 = \dots + 4$ | $8 = 5 + \dots$  | $10 = \dots + 2$  |
| $3 = \dots + 2$ | $6 = 3 + \dots$ | $8 = \dots + 4$  | $10 = 7 + \dots$  |
| $4 = 3 + \dots$ | $7 = 6 + \dots$ | $9 = 8 + \dots$  | $10 = \dots + 4$  |
| $4 = \dots + 2$ | $7 = 5 + \dots$ | $9 = 7 + \dots$  | $10 = 5 + \dots$  |
| $5 = 4 + \dots$ | $7 = \dots + 3$ | $9 = 6 + \dots$  | $10 = 10 + \dots$ |
| $5 = \dots + 2$ | $8 = 7 + \dots$ | $9 = \dots + 4$  | $10 = 0 + \dots$  |
| $6 = 5 + \dots$ | $8 = \dots + 2$ | $10 = 9 + \dots$ | $1 = \dots + 1$   |

2. Viết các số 8, 6, 10, 5, 3 :

- a) Theo thứ tự từ bé đến lớn : .....
- b) Theo thứ tự từ lớn đến bé : .....

3. Viết phép tính thích hợp :

a)



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b)



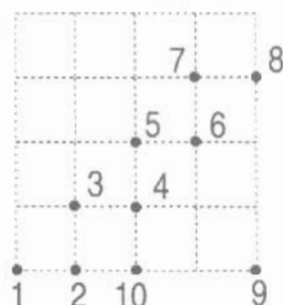
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

4. Vẽ hình thích hợp vào ô trống :

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |   |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|---|--|
| ○ | ○ | □ | □ | ○ | ○ | □ | □ | ○ |  | □ |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|---|--|

# Bài 64 LUYỆN TẬP CHUNG

1. Nối các chấm theo thứ tự :



2. Tính :

a) 
$$\begin{array}{r} 8 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 9 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 3 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 4 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$
 
$$\begin{array}{r} 5 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

b) 
$$\begin{array}{l} 3 + 4 - 5 = \dots \\ 5 + 1 + 2 = \dots \\ 6 - 4 + 8 = \dots \end{array}$$
 
$$\begin{array}{l} 8 - 6 + 3 = \dots \\ 4 + 4 - 6 = \dots \\ 9 - 6 + 5 = \dots \end{array}$$
 
$$\begin{array}{l} 10 - 3 - 2 = \dots \\ 5 + 5 - 7 = \dots \\ 4 + 3 - 3 = \dots \end{array}$$

3.  $\begin{array}{|c|} \hline > \\ \hline < \\ \hline = \\ \hline \end{array}$  ? 
$$\begin{array}{l} 0 \dots 5 \\ 9 \dots 6 \end{array}$$
 
$$\begin{array}{l} 4 + 2 \dots 2 + 4 \\ 8 - 6 \dots 3 + 3 \end{array}$$
 
$$\begin{array}{l} 8 - 5 \dots 9 - 5 \\ 9 - 3 \dots 10 - 4 \end{array}$$

4. Viết phép tính thích hợp :

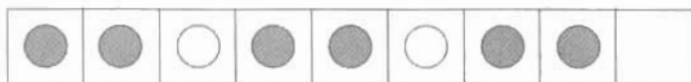
a) Có : 8 con chim  
Bay đi : 3 con chim  
Còn lại : ... con chim ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b) Có : 6 con vịt  
Mua thêm : 2 con vịt  
Có tất cả : ... con vịt ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

5. Vẽ hình thích hợp vào ô trống :



# Bài 65 LUYỆN TẬP CHUNG

## 1. Tính :

a)

|                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                   |                                                    |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| $\begin{array}{r} 1 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 7 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 5 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 9 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 2 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ | $\begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$ |
| ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                               | ...                                                |

b)

|                     |                      |                     |                     |
|---------------------|----------------------|---------------------|---------------------|
| $7 - 4 - 3 = \dots$ | $10 - 8 + 6 = \dots$ | $8 - 3 + 4 = \dots$ | $5 + 0 - 2 = \dots$ |
| $5 + 5 - 9 = \dots$ | $3 + 5 + 1 = \dots$  | $8 + 2 - 9 = \dots$ | $4 - 2 + 2 = \dots$ |

2. **Số** ?

|                  |                 |                 |
|------------------|-----------------|-----------------|
| $9 = 4 + \dots$  | $7 = \dots + 3$ | $6 = \dots + 6$ |
| $10 = 8 + \dots$ | $8 = 6 + \dots$ | $4 = 4 - \dots$ |

3. a) Khoanh vào số lớn nhất : 6, 8, 3, 5, 7.

b) Khoanh vào số bé nhất : 9, 2, 10, 0, 6.

## 4. Viết phép tính thích hợp :

a) Có : 6 cây  
Trồng thêm : 3 cây  
Có tất cả : ... cây ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b) Có : 10 cái bát  
Làm vỡ : 1 cái bát  
Còn lại : ... cái bát ?

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

## 5. Vẽ hình thích hợp vào ô trống :

|                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |                                                                                     |  |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------|

# TỰ KIỂM TRA

## 1. Tính :

a)

|       |     |  |   |     |
|-------|-----|--|---|-----|
| +     | 5   |  | - | 9   |
|       | 3   |  |   | 7   |
| <hr/> |     |  |   |     |
|       | ... |  |   | ... |

|       |     |  |   |     |
|-------|-----|--|---|-----|
| +     | 6   |  | - | 8   |
|       | 4   |  |   | 2   |
| <hr/> |     |  |   |     |
|       | ... |  |   | ... |

|       |     |  |   |     |
|-------|-----|--|---|-----|
| +     | 4   |  | - | 10  |
|       | 4   |  |   | 9   |
| <hr/> |     |  |   |     |
|       | ... |  |   | ... |

b)

|                     |
|---------------------|
| $4 - 1 - 1 = \dots$ |
| $8 + 1 - 5 = \dots$ |

|                     |
|---------------------|
| $7 - 2 + 1 = \dots$ |
| $2 + 6 - 4 = \dots$ |

|                      |
|----------------------|
| $10 - 8 + 0 = \dots$ |
| $6 - 2 + 2 = \dots$  |

2. **Số** ?

|                  |
|------------------|
| $8 = \dots + 3$  |
| $10 = 9 + \dots$ |

|                 |
|-----------------|
| $6 = \dots + 2$ |
| $7 = 4 + \dots$ |

|                 |
|-----------------|
| $2 = \dots + 2$ |
| $9 = 9 - \dots$ |

3. a) Khoanh vào số lớn nhất : 5, 2, 8, 4, 7.

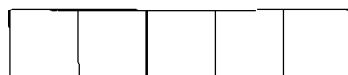
b) Khoanh vào số bé nhất : 8, 6, 9, 1, 3.

## 4. Viết phép tính thích hợp :

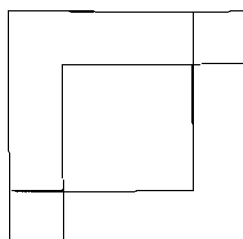
Đã có : 5 viên bi

Mua thêm : 3 viên bi

Có tất cả : ... viên bi ?



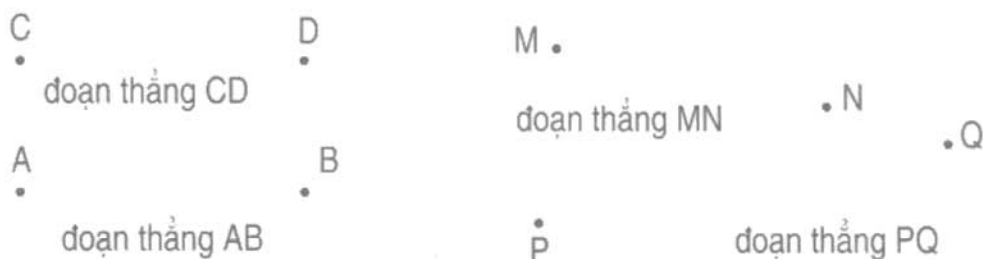
5. **Số** ?



Có ... hình vuông.

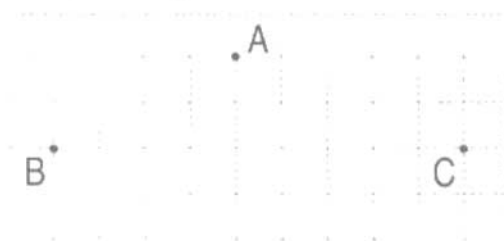
# Bài 66 ĐIỂM. ĐOẠN THẲNG

1. Đọc tên các điểm rồi nối các điểm để có đoạn thẳng :



2. Dùng thước thẳng và bút để nối thành :

a) 3 đoạn thẳng



b) 4 đoạn thẳng



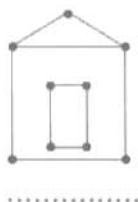
c) 6 đoạn thẳng



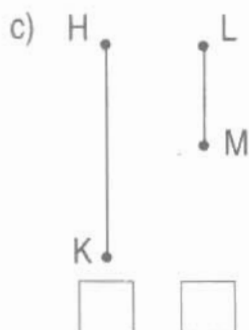
d) 7 đoạn thẳng



3. Mỗi hình vẽ dưới đây có bao nhiêu đoạn thẳng ?



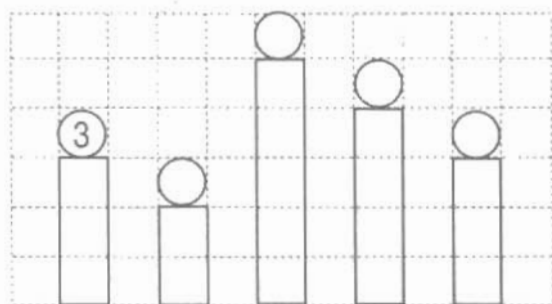
1. Ghi dấu ✓ vào đoạn thẳng dài hơn (theo mẫu) :



2. Ghi số thích hợp vào mỗi đoạn thẳng (theo mẫu) :



3. a) Tô màu đỏ vào cột **cao nhất**, tô màu xanh vào cột **thấp nhất** :



b) Ghi số thích hợp vào mỗi cột (theo mẫu).

Chọn các độ dài và các dụng cụ đo để kết quả đo là số không vượt quá 10.

1. Đo độ dài bàn học sinh bằng gang tay.



2. Đo độ dài bảng của lớp bằng thước gỗ.



3. Đo độ dài một căn phòng bằng bước chân.



4. Đo độ dài vườn trường hoặc hành lang lớp học bằng cái gậy.



# VỞ BÀI TẬP TOÁN 1

## TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ chín)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Biên soạn :

ĐỖ ĐÌNH HOAN (Chủ biên) - NGUYỄN ÁNG

Biên tập lần đầu :

VŨ MAI HƯƠNG - VŨ VĂN DƯƠNG

Biên tập tái bản :

VŨ THỊ ÁI NHU

Thiết kế sách :

NGUYỄN THANH LONG

Biên tập mỹ thuật và trình bày bìa :

TÀO THANH HUYỀN

Minh họa :

TA TRỌNG TRÍ - TRẦN THUYẾT HẠNH

Sửa bản in :

VŨ THỊ ÁI NHU

Chế bản :

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

01-2011/CXB/687-1235/GD

Mã số : 1B107T1

In 30.000 cuốn, (QĐ09BT) khổ 17 x 24 (cm).

In tại Công ty TNHH một thành viên In & Văn hóa phẩm.

Số in: 248/4. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2011.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG  
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

## VỞ BÀI TẬP DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 1

1. Vở bài tập Tiếng Việt 1 (tập một, tập hai)
2. Vở bài tập Toán 1 (tập một, tập hai)
3. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1
4. Vở bài tập Đạo đức 1
5. Vở Tập vẽ 1
6. Tập bài hát 1

*Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam :*

- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng Tiền ;  
25 Hàn Thuyên ; 32E Kim Mã ;  
14/3 Nguyễn Khánh Toàn ; 67B Cửa Bắc.
- Tại TP. Đà Nẵng : 78 Pasteur ; 247 Hải Phòng.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu ; 2A Đinh Tiên Hoàng, Quận 1 ;  
240 Trần Bình Trọng ; 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5.
- Tại TP. Cần Thơ : 5/5 Đường 30/4.
- Tại Website bán sách trực tuyến : [www.sach24.vn](http://www.sach24.vn)

Website: [www.nxbgd.vn](http://www.nxbgd.vn)



8 934994 022125



Giá: 4.700đ

<http://tieulun.hopto.org>